Ngày soạn: …/…/….

Ngày dạy: …/…/….

# Bài 5. NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG (CHÈO/TUỒNG)

**…………………………………………………..**

**Môn: Ngữ văn 10 - Lớp: …….**

**Số tiết:**  9 tiết

MỤC TIÊU CHUNG BÀI 5

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản. Phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản; nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong văn bản chèo/ tuồng.

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản chèo/ tuồng đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

- Nhận biết tác dụng của phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, sơ, biểu đồ, sơ đồ,...

- Viết được bản nội quy hoặc bản hướng dẫn ở nơi công cộng.

- Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó.

- Trân trọng và có ý thức phát huy các giá trị văn hoá, nghệ thuật truyền thống.

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

# TIẾT…: VĂN BẢN 1. THỊ MÀU LÊN CHÙA

\_\_\_\_\_Trích chèo *Quan Âm Thị Kính*\_\_\_\_

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản. Phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản; nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong văn bản chèo/ tuồng.

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản chèo/ tuồng đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, thẩm mĩ.

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực phân tích và đánh giá được một số yếu tố về nội dung, đề tài, tích truyện, nhân vật, lời thoại, chủ đề….

- Năng lực cảm nhận, phân tích được bối cảnh lịch sử - văn hóa thể hiện trong kịch bản chèo.

**3. Phẩm chất:**

- Trân trọng văn hóa truyền thống dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập, kết nối những bài học trước đó huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS.

**b. Nội dung:** Kiến thức, vốn sống của HS có liên quan bài học.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS cảm nhận về Thị Mầu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*- GV đặt câu hỏi:*

1. *Bạn đã bao giờ nghe nói đến thành ngữ "Oan Thị Kính" chưa? Bạn hiểu nghĩa của thành ngữ này như thế nào?*

*A picture containing text

Description automatically generated2. Quan sát hình ảnh dưới đây trong vở chèo Quan Âm Thị Kính và dự đoán tính cách, thái độ hai nhân vật.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, nhớ lại kiến thức và trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp về những hiểu biết, cảm nhận của bản thân.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- GV bổ sung và giải thích thêm về hai câu hỏi:

1. Thiện Sỹ là chồng của Thị Kính. Một lần đọc sách mệt, chàng ngủ thiếp đi từ lúc nào. Thấy trên cằm chàng có sợi râu mọc ngược, nghĩ là điềm gở. Nhân lúc chồng đang ngủ, Thị Kính dùng dao cắt sợi râu đó đi. Giật mình thức giấc, chẳng hiểu thực hư ra sao, chàng lu loa rằng vợ dùng dao định giết mình. Thế là nàng mang tội tày đình, bị chồng ruồng bỏ, xã hội lên án. Nỗi oan này, nàng không sao giãi bày được. Oan ức, đau khổ quá, nàng cắt tóc giả trai đi tu. Những tưởng nhờ nơi cửa Phật để cõi lòng được bằng an, và được yên phận với những tháng ngày còn lại, nhưng nào có được như thế. Với vai chú tiểu, Thị Kính đã làm say lòng Thị Mầu lẳng lơ. Bao lần tán tỉnh, nhưng Thị Mầu không sao làm siêu lòng “chú tiểu”. Bỗng nhiên, Thị Mầu bụng mang dạ chửa, vu vạ cho “chú tiểu” ăn nằm với chị. Một lần nữa, Thị Kính mang tội, bị đuổi ra khỏi chùa. Suốt mấy năm ròng, Thị Kính bồng bế đứa con Thị Mầu đi xin từng giọt sữa và chịu bao tai tiếng nhục nhã. Cho đến khi nàng chết, sự thật mới sáng rõ. Dẫu rằng, nàng được về cõi Niết bàn, nhưng nỗi oan của nàng là một cái gì đó quá nặng nề với người đời.

🡪 “Oan Thị Kính” là thành ngữ được dùng để so sánh với những nỗi oan khuất cùng cực mà không giãi bày được.

2. Đưa ra lời dự đoán về tính cách nhân vật qua hình ảnh:

+ Thị Mầu: tính cách mưu mô, xảo quyệt; thái độ vui vẻ khi đạt được mục đích của mình.

+ Thị Kính: tính cách hiền lành, chấp nhận số phận; thái độ cam chịu.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong tiết học hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu một trích đoạn nội tiếng trong vở chèo Quan Âm Thị Kính, đó là* ***Thị Mầu lên chùa.***

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung chủ đề *Nghệ thuật truyền thống.* Nắm được các khái niệm về một số yếu tố của thơ về từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp đối, chủ thể trữ tình.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài *Nghệ thuật truyền thống (chèo/tuồng)*.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung bài *Nghệ thuật truyền thống (chèo/tuồng)*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV mời 1 HS đọc chủ đề của Bài học số 5 (*Nghệ thuật truyền thống (chèo/tuồng)*) trước lớp.  - GV đặt câu hỏi cho HS: *Theo các em, nội dung của chủ đề Bài 5. Nghệ thuật truyền thống (chèo/tuồng) là gì?*.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức: *Trong bài học này, các em sẽ được tìm hiểu thể loại văn bản thông tin tổng hợp qua chủ đề* ***Nghệ thuật truyền thống (chèo/tuồng).*** | **1. Giới thiệu bài học**  - Chủ đề *Nghệ thuật truyền thống (chèo/tuồng)* bao gồm các văn bản chèo, tuồng.  - Tên và thể loại của các VB đọc chính và VB đọc kết nối chủ đề:   |  |  | | --- | --- | | **Tên văn bản** | **Thể loại** | | Thị Mầu lên chùa | Chèo | | Huyện Trìa xử án | Tuồng | | Đàn ghi-ta phím lõm trong dàn nhạc cải lương |  | | Xã trưởng – mẹ Đốp | Chèo | | Huyện trìa, Đề hầu, thầy Nghêu mắc lỡm Thị Hến | Tuồng | |

**Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được một số yếu tố của văn bản thông tin.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến một số yếu tố của VB thông tin.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức về một số yếu tố của VB thông tin.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS theo dõi phần Tri thức ngữ văn và các nhóm trình bày phần tìm hiểu ở nhà theo yêu cầu của Gv từ tiết trước:  ***Nhóm 1:***  *+ Chèo cổ là gì?*  *+ Chèo cổ thể hiện qua các đặc điểm nào? Hãy lập bản thống kê các đặc điểm của chèo.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin tác giả trong SGK, tóm tắt ý chính.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi 3 - 4 HS chia sẻ kết quả.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  ***1. Nghệ thuật chèo***  - *Chèo cổ* (chèo sân đình) là một loại hình nghệ thuật tổng hợp, kết hợp hài hòa nhiều chất liệu: dân ca, múa dân gian và các loại hình nghệ thuật dân gian khác ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.  - Chèo được xem là một hình thức kể chuyện bằng sân khấu, lấy sân khấu và diễn viên làm phương tiện giao lưu với công chúng (không có người kể chuyện như trong truyện). Cũng như kịch nói chung, kịch bản chèo tập trung thể hiện hành động, dẫn dắt xung đột qua ngôn ngữ của nhân vật. |
| **ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT CHÈO CỔ**   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Đặc điểm** | | Đề tài | Chèo cổ thường xoay quanh vấn đề giáo dục cách sống, cách ứng xử giữa người với người theo quan điểm đạo lí dân gian hoặc theo tư tưởng Nho giáo. | | Tích truyện | Là chất liệu xây dựng nên cốt truyện của chèo. Thường là các nhân vật, hành động, sự việc có sẵn trong kho tàng truyện cổ dân gian hoặc trong dã sử được khai thác và tổ chức lại theo nguyên tắc kịch hay xung đột. Từ các tích truyện này, các tác giả kịch bản - thường là giới nho sĩ - viết thành kịch bản chèo để truyền bá những tín điều của tư tưởng Nho giáo. Tuy nhiên, qua quá trình ứng tác, biểu diễn, nhiều chủ đề truyền thống bị làm mờ đi, nhường chỗ cho những khát vọng nhân bản hơn, vượt ra ngoài giáo lí Nho học truyền thống. | | Nhân vật | - Các loại hình nhân vật phổ biến của chèo bao gồm kép, đào, hề, mụ, lão.  - Kép (nam chính) thường là các sĩ tử chân chính, hiếu học; đào (nữ chính) bao gồm đào thương (những phụ nữ trung trinh tiết liệt), đào lệch hay còn gọi là đào lẳng (những phụ nữ nổi loạn, đi ngược lại quan điểm đạo đức phong kiến), đào pha (trung gian giữa hai loại vai đào thương và đào lệch); hề (nhân vật hài hước, gây cười); mụ (nhân vật nữ lớn tuổi); lão (nhân vật nam lớn tuổi). Nhân vật trong chèo thường mang tính ước lệ với tính cách không thay đổi. | | Cấu trúc | Cấu trúc của một vở chèo bao gồm nhiều màn và cảnh, mỗi màn và cảnh thường xảy ra trong một khung thời gian và không gian khác nhau. Mỗi cảnh đóng vai trò như một bộ phận kiến tạo nên các giai đoạn của cốt truyện: khai mở, thắt nút, đỉnh điếm, mở nút. | | Lời thoại | - Lời thoại đảm nhiệm mọi vai trò: dẫn dắt xung đột, diễn tả hành động, khắc hoạ nhân vật, bối cảnh (không gian, thời gian), đồng thời gián tiếp thể hiện tình cảm của tác giả dân gian.  - Lời thoại trong chèo cổ bao gồm lời thoại của nhân vật và tiếng đế.  + Lời thoại của nhân vật thường có các hình thức: đối thoại (lời các nhân vật nói với nhau), độc thoại (lời nhân vật nói với chính mình), bằng thoại (lời nhân vật nói với khán giả). Tiếng đế là lời của đại diện khán giá chen vào, đệm vào lời của nhân vật dưới dạng câu hỏi hoặc bình luận ngắn, chủ yếu để kích thích nhân vật bộc lộ khi diễn.  + Về hình thức, lời thoại của nhân vật trong chèo bao gồm lời nói, lời hát - nói (tức nói theo âm điệu) và lời hát (theo các làn điệu dân ca). | | |
| **NV2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Nhóm 2:**  *+ Tuồng là gì?*  *+ Tuồng gồm có mấy loại?*  *+ Đặc điểm của tuồng qua các yếu tố: đề tài, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin tác giả trong SGK, tóm tắt ý chính.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi 3 - 4 HS chia sẻ kết quả.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. | ***2. Nghệ thuật tuồng***  **- Tuồng** là một loại hình nghệ thuật tổng hợp, kết hợp hài hoà điệu nói lối, các điệu hát của tuồng và một số chất liệu nghệ thuật dân gian khác.  - Thời gian hình thành: Tuồng thịnh hành vào thế kỉ XIX, vùng Nam Trung Bộ (tiêu biểu là Huế, Quảng Nam - Đà Nẵng, Bình Định).  - Phân loại: Tuỳ theo đề tài, nội dung, phạm vi lưu diễn, quy cách dàn dựng, tuồng được phân thành hai loại chính: ***tuồng pho (tuồng thầu) và tuồng đồ.*** |
| **ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT TUỒNG ĐỒ**   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Đặc điểm** | | Đề tài | Đề tài lấy từ đời sống thôn dã, hoặc tích truyện có sẵn, dựng thành những câu chuyện, tình huống hài hước, những nhân vật phản diện hiện thân cho những thói hư tật xấu của một số hạng người trong xã hội phong kiến tiểu nông 🡪 Tuồng đồ thiên về trào lộng, phê phán xã hội trên lập trường đạo đức của người bình dân. | | Tích truyện | Các vở tuồng đồ thường được xây dựng dựa trên một câu chuyện hay một tình huống, hành động, sự việc nào đó, thường có sẵn trong kho tàng truyện dân gian, gọi là "tích truyện". Từ tích truyện này, các tác giả kịch bản viết thành kịch bản tuồng (dưới dạng truyền miệng). Khi trình diễn, nghệ nhân trong các gánh tuồng có thể cải biên ít nhiều cho phù hợp với điều kiện diễn xuất, đối tượng người xem. | | Nhân vật | Nhân vật tiêu biểu cho các vai tuồng này thường mang tính ước lệ và tính cách không thay đổi, thể hiện chủ yếu qua lời thoại và hành động của mình. Khi xuất hiện lần đầu, các nhân vật chính thường có lời xưng danh (tự giới thiệu danh tính, nghề nghiệp, vị trí xã hội,...). Tính cách, đặc điểm của nhân vật trong tuồng, một phần được biểu đạt qua cách hoá trang, nhất là qua các nét vẽ và màu sắc trên khuôn mặt diễn viên. | | Lời thoại | Lời thoại của nhân vật tuồng, chủ yếu là đối thoại có xen độc thoại hay bàng thoại, dưới hình thức nói, ngâm hoặc hát và chủ yếu là văn vần. | | Phương thức lưu truyền | Phương thức lưu truyền chủ yếu là truyền miệng. Tuồng đồ thường không được ghi chép thành quyển như tuồng pho. Do vậy, mỗi gánh hát tuồng có thể lưu giữ một vốn kịch bản - vở diễn riêng. Hơn nửa, cùng một tích tuồng, nghệ nhân trong các gánh tuồng có thể tạo dựng các lớp tuồng với các mảng miếng, những điểm nhấn và độ co duỗi của vở diễn theo cách riêng của mình. | | |

**Hoạt động 3: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản một cách hiệu quả.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu các tri thức có liên và huy động trải nghiệm, vốn sống của HS.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| NV2:  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV gọi một số HS đọc văn bản.  - Yêu cầu HS chia sẻ những kết quả đọc ban đầu theo các chỉ dẫn của SGK ở bên phải văn bản.  - GV yêu cầu HS: xác định thể loại, bố cục, xuất xứ của văn bản.  - GV đặt câu hỏi: *Đoạn trích kể về sự việc gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin tác giả trong SGK, tóm tắt ý chính.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi 3 - 4 HS chia sẻ kết quả.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. | ***2. Đọc văn bản***  - Xuất xứ: Đoạn trích Thị Mầu lên chùa được trích từ vở chèo Quan Âm Thị Kính.  - Thể loại: chèo  - Bố cục:  + Phần 1: (từ đầu… có ai như mày không): Thị Mầu đi lên chùa.  + Phần 2: (còn lại): Tính cách, đặc điểm Thị Kính.  - Nội dung đoạn trích: Đoạn trích thuật lại sự việc Thị Mầu lên chùa để tán tình, trêu đùa với Tiểu Kính với thái độ trơ trẽn điệu bộ lẳng lơ. Tuy nhiên, Tiểu Kính vẫn liêm chính, không quan tâm và giữ khoảng cách với Thị Mầu. |

**Hoạt động 4: Tổ chức đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khám phá nội dung, ý nghĩa và đặc sắc về hình thức của văn bản, hiểu được các khái niệm công cụ, rèn luyện các chiến thuật đọc. Từ đó, GV giúp HS luyện tập, thực hành, vận dụng kiến thức về văn học chèo vào thực tiễn cuộc sống.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu lời nói đối thoại, độc thoại, bằng thoại, tiếng đế chèo cổ trong VB**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS theo dõi lại văn bản và thảo luận theo cặp:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhân vật** | **Đối thoại** | **Độc thoại** | **Bàng thoại** | | Thị Mầu |  |  |  | | Thị Kính  Tiếng đế (người xem) |  |  |  |   - GV gợi ý HS dựa vào mẫu bàng trong câu hói để điền đúng các ví dụ về các thành phần lời thoại *đối thoại, độc thoại, bàng thoại, tiếng đế.*  - GV lưu ý một số dấu hiệu để nhận biết mỗi thành phần lời thoại, nhất là bàng thoại, tiếng đế.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc lại đoạn văn và suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **II. Đọc hiểu văn bản**  ***1. Lời nói đối thoại, độc thoại, bằng thoại, tiếng đế chèo cổ trong VB*** |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhân vật** | **Đối thoại** | **Độc thoại** | **Bàng thoại** | | Thị Mầu | - Đây rồi nhé!  - Tên em ấy à?  - Là Thị Mầu, con gái phú ông...Chưa chồng đấy nhá!.  - Đưa chổi đây em quét rồi em nói chuyện này cho mà nghe! | - Phải gió ở đâu! Chạy từ bao giờ rồi!  - Người đâu mà đẹp như sao băng thế nhỉ? | - Lẳng lơ ở đây cũng chẳng mòn.  - Đẹp thì người ta khen chứ sao!  - Nhà tao còn ối trâu! | | Thị Kính  Tiếng đế (người xem) | - A di đà Phật! Chào cô lên chùa!.  - Cô cho biết tên để tôi vào lòng sớ!  - Tôi đã đèn nhang xong, mời cô vào lễ Phật.  - Cô buông ra để tôi quét chùa kẻo sư phụ người quở chết!  - Mười tư, rằm!  - Ai lại đi khen chú tiểu thế cô Mầu ơi!  - Mầu ơi mất bò rồi!  - Mầu ơi nhà mày có mấy chị em? Có ai như mày không?  - Sao lẳng lơ thế, cô Mầu ơi! | - Nam mô A di đà Phật!.  - Khấn nguyện thập phương ...Quỷ thần soi xét! | Ngẫm oan trái nhiều phen muốn khóc ... Chứ có biết đâu mình cũng chỉ là... | | |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về nhân vật Thị Mầu**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS theo dõi lại văn bản và thảo luận theo cặp:   * *Tìm hiểu về lời nói, ngoại hình, hành động của Thị Mầu. Từ đó, nhận xét tính cách nhân vật này.* * *Mục đích của Thị Mầu lên chùa để làm gì?* * *Từ lời nói, hành động, nhận xét về diễn biến tâm trạng Thị Mầu* * *Tiếng gọi “thầy tiểu ơi” lặp lại nhiều lần có tác dụng gì trong việc biểu lộ nỗi lòng Thị Mầu?* * *Lời thoại của Thị Mầu đã cho thấy tình cảm, cảm xúc của nhân vật đã thay đổi như thế nào từ đầu đến cuối đoạn trích.*   - GV tiếp tục đặt câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ về quan điểm của Thị Mầu qua lời thoại của nhân vật:   * *Lời thoại của Thị Mầu cho thấy nhân vật quan niệm như thế nào về tình yêu và hạnh phúc?* * *Chỉ ra những tiếng đế trong văn bản. Tiếng đế thể hiện quan điểm như thế nào về nhân vật Thị Mầu? Em có đồng tình với quan điểm đó hay không?*   - GV khích lệ HS nêu ý kiến riêng, đồng tình hay không đồng tình cũng có thể nêu lí do, lập luận của bản thân.  - Các nhóm thảo luận và trao đổi nội dung.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc lại đoạn văn và suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung.  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  + Qua lời thoại của Thị Mầu, có thể thấy nhân vật này khá phóng khoáng, tự do suy nghĩ về tình yêu. Thị Mầu nghĩ rằng chỉ cần là mong nhớ, tương tư về người ta là mình có thể tự do đến bên người đó, không ngại quy giáo, lễ nghĩa. Là duyên thì mình đến ''Phải duyên thời lấy/ Chớ nghe họ hàng'' | ***2. Nhân vật Thị Mầu***  - Thị Mầu sử dụng lời nói, lời hát (hát ghẹo tiểu, hát) để tỏ bày tình cảm: Đó là lời nói với Tiểu Kính (đối thoại); lời nói với chính mình (độc thoại); lời nói với khán giả (bàng thoại).  + Lời nói, hát là hành động của Thị Mầu biểu thị các hành động: giới thiệu thông tin về bản thân với chú tiểu, khen chú tiểu, mời chú tiểu ăn giầu, ghẹo tiểu, thách thức, bất chấp sự chê trách, phê phán của người đời (thể hiện qua tiếng đế),... Bên cạnh hành động thể hiện qua ngôn ngữ, còn là các hành động trực tiếp đi kèm với lời nói, hát (được thể hiện thông qua chỉ dẫn sân khấu): nấp; xông ra nắm tay Tiểu Kinh;...  - Mục đích: Thị Mầu lên chùa, mang tiền cùng gạo của cha mẹ tiến cúng chỉ là cái cớ. Mối quan tâm duy nhất của Thị Mầu là bày tỏ tình cảm với chú tiểu. Thị Mầu tranh thủ mọi cơ hội để bộc lộ lòng mình.  - Tiếng gọi "thầy tiểu ơi” trở đi trở lại nhiều lần, cùng với những tiếng gọi ấy là nỗi lòng, khát khao hạnh phúc được Thị Mầu thẳng thắn, táo bạo tỏ bày. Sự điệp đi nhấn lại cho thấy mối quan tâm duy nhất của Thị Mầu khi lên chùa là thầy tiểu.  🡪 Tác dụng:  + Tiếng gọi ấy như buộc đối tượng phải quan tâm đến mình, làm cho mọi lời nói, tiếng hát trở thành tiếng giãi bày chỉ mong đối tượng thấu hiểu, trở thành những "bủa vây” bay vờn, xoắn xuýt bám riết lấy đối tượng giao duyên, quyết thực hiện bằng được khao khát tỏ bày tình cảm của mình.  + Tiếng gọi như muốn bộc bạch tất cả sự mê đắm, bật ra tất cả nỗi nhớ nhung, niềm khao khát.  + Tiếng gọi hòa với giọng hát, ánh mắt sóng sánh đa tình, nhịp bước "tung toé”, sắc áo rực rỡ, những đường nét xuân thì bung toả của cơ thể thiếu nữ trẻ trung,... tạo thành một Thị Mầu sẵn sàng bật tung mọi khuôn thước để sống đúng với tình cảm tự nhiên của trái tim thiếu nữ,...  ***- Diễn biến tâm trạng Thị Mầu:***  Text  Description automatically generated  Theo lời nói, lời hát, hành động của nhân vật, người đọc nhận ra diễn biến tâm trạng của Thị Mầu:  - Từ rộn ràng, tươi vui, náo nức khi lên chùa *“Tôi lên chùa thầy tiểu mười ba/ Thấy sư mười bốn, vãi già mười lăm…”*  🡪 đến choáng váng, đắm đuối, si mê táo bạo tỏ bày tình cảm và quyết liệt “tấn công" đối tượng bằng tất cả sự “bùng nổ" của dòng nham thạch đầy sức sống. *“Người đâu mà đẹp như sau băng thế nhỉ”*  🡪 buồn bã, thất vọng khi không được đáp lại, để rồi như gồng mình lên, bất chấp, thách thức mọi khuôn khổ, phép tắc, định kiến giáo điều của quan niệm phong kiến trong tình yêu. *“Đôi ta chỉ quyết đợi chờ lấy nhau”’ “Tri âm chẳng tỏ tri âm/Để tôi thương vụng nhớ thầm sầu riêng”; “Lẳng lơ đây cũng chẳng mòn /Chính chuyên cũng chẳng sơn son để thờ”*  - ***Nhận xét:*** Nhân vật Thị Mầu mang một nét mới lạ so với hình ảnh người phụ nữ truyền thống, Thị Mầu đi ngược hẳn với đạo lí, lễ nghĩa ngày xưa, thể hiện cái tôi rất mạnh.  ***- Quan niệm về tình yêu và hạnh phúc:***  + Đã yêu nhau phải chủ động bày tỏ, tìm cách thỏa mãn nhu cầu gặp gỡ, ái ân.  + Yêu là “phải duyên”, đã “phải duyên” thì đôi bên phải tự quyết, đợi chờ và tiến tới hôn nhân.  - Tiếng đế trong văn bản: |
| |  |  | | --- | --- | | **Đoạn thoại/ tiếng đế** | **Quan điểm, góc nhìn** | | THỊ MẦU: Ấy mấy thầy tiểu ơi!  TIẾNG ĐẾ: Mầu ơi mất bò rồi!  THỊ MẦU: Nhà tao còn ối trâu!  (hát ghẹo tiểu)  Này thầy tiểu ơi!  Thầy như táo rụng sân đình  Em như gái rở, đi rình của chua.  Ấy mấy thầy tiểu ơi!  KÍNH TÂM: Nam mô A di đà Phật.  TIẾNG ĐẾ: Mầu ơi nhà mày có mấy chị em?  Có ai như mày không?  THỊ MẦU: Nhà tao có chín chị em, chì có mình tao  là chín chắn nhất đấy!  TIẾNG ĐỂ: Dơ lắm! Mầu ơi! | Quan điểm đánh giá Thị Mầu qua tiếng đế: Từ góc nhìn truyền thống, bảo thủ, tiếng đế đại diện cho quan điểm của một số người xem việc Thị Mấu chủ động bộc lộ tình yêu, tự quyết trong tình yêu như trong VB là hành động dơ bẩn, đáng chê cười thậm chí phê phán: "Dơ lắm! Mầu ơi!" | | |
| **Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nhân vật Tiểu Kính**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Gv lưu ý học sinh: Tiểu Kính giả làm thầy tiểu đến tá túc ở chùa. Điều éo le là không thể nói rõ cho Thị Mầu biết thân phận giả trai của mình Tuy nhiên, Thị Kính không tỏ ra phũ phàng, khinh bỉ Thị Mầu mà chỉ tìm cách tự vệ nhẹ nhàng, kín đáo. Ứng xử của Thị Kính đầy tính nhân văn; đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Tuy nhiên, sự khoan dung mực thước của Thị Kính cũng sẽ là lí do dẫn đến nỗi oan của nhân vật này ở phần sau của tác phẩm.  - GV yêu cầu HS theo dõi văn bản và trả lời:   * *Tiểu Kính hiện lên với ngoại hình, lời nói như thế nào?* * *Qua ngôn ngữ, hành động của nhân vật TK, em có nhận xét gì về nhân vật này?* * *Ứng xử của nhân vật Thị Kính thể hiện quan điểm gì của tác giả dân gian?*   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | ***3. Nhân vật Tiểu Kính***  ***\* Ngoại hình:***  - Đẹp như sao băng.  - Cổ cao ba ngấn, lông mày nét ngang.  ***\* Lời nói:***  - "A di đà Phật! Cô cho tôi biết tên đề ghi vào lòng sớ"  - "A di đà Phật"  - "Một nén cũng biên"  - "Một đồng cũng kể"  - "Ngẫm oan trái nhiều phen muốn khóc".  - Tiểu Kính đã cư xử đúng mực theo nguyên tắc của người tu hành. Tiểu Kính chẳng thưa bất cứ lời bộc bạch, thổ lộ nào của Thị Mầu, mượn lời niệm Phật mong nhắc Thị Mầu về giới hạn của người tu hành và chốn Thiền môn hoặc bỏ chạy trước hành động xông ra nắm tay của Thị Mầu.  ***\* Tính cách:***  - Điềm đạm, đoan chính  - Hành động của Tiểu Kính tạo ra sự đối lập với hình tượng Thị Mầu. Tiểu Kính càng kiệm lời, lạnh lùng, không đáp lại thì Thị Mầu càng đắm đuối, si mê, táo bạo.  🡪 Ứng xử của Thị Kính đầy tính nhân văn, đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Tuy nhiên, sự khoan dung mực thước của Thị Kính cũng sẽ là lí do dẫn đến nỗi oan của nhân vật. |
| **Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nhân vật Tiểu Kính**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Gv đặt câu hỏi: *Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết Thị Mầu lên chùa là một văn bản chèo?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | ***4. Đặc điểm thể loại và ấn tượng về nhân vật qua văn bản***  - Đề tài: văn bản xoay quanh vấn đề giáo dục cách sống, cách ứng xử giữa người với người theo dân gian.  - Tích truyện (cốt truyện): được trích từ vở chèo Quan Âm Thị Kính.  - Nhân vật: có đào thương và đào lệch (đào lẳng).  - Cấu trúc: cấu trúc của văn bản bao gồm nhiều màn và cảnh, mỗi cảnh đóng một vài trò khác nhau.  - Lời thoại: có bao gồm cả lời thoại của nhân vật và tiếng đế cùng 3 hình thức: đối thoại, độc thoại, bàng thoại. Đồng thời, lời thoại của các nhân vật trong văn bản bao gồm cả lời nói và lời hát. |
| **Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu nghệ thuật và nội dung ý nghĩa.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS:  + *Em hãy tổng kết về nghệ thuật và nội dung của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, suy nghĩ để tổng kết bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 3 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung – ý nghĩa***  - Đoạn trích thể hiện thành công hình ảnh Thị Mầu với tính cách lẳng lơ, buông thả, cho thấy đặc trưng của nhân vật này qua lời nói, cử chỉ và hành động đối với tiểu Kính Tâm. Qua đó cho thấy niềm cảm thông, thương cảm với thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ và ngợi ca trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của họ.  ***2. Nghệ thuật***  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật điển hình.  - Tình huống truyện đặc sắc lôi cuốn hấp dẫn  - Ngôn từ mang những nét đặc trưng của sân khấu chèo.  - Từ ngữ dân gian giản dị, mộc mạc. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản đã học.

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** HS đưa ra câu trả lời đúng.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:*

*1.* Dưới đây là một số trích dẫn ngôn ngữ của tác giả dân gian (được thể hiện qua tiếng đế) và nhân vật Thị Mầu:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiếng đế** | **Lời đáp của Thị Mầu** |
| - Ai lại đi khen chú tiểu thế, cô Mầu ơi!  - Có ai như mày không?  - Dơ lắm! Mầu ơi!  - Sao lẳng lơ thế, cô Mầu ơi! | - Đẹp thì người ta khen chứ sao!  - [...] chỉ có mình tao là chín chắn nhất đấy.  - Kệ tao.  - Lẳng lơ đây cũng chẳng mòn / Chính chuyên cũng chẳng sơn son để thờ! |

Em có đồng tình với cách đánh giá trên đây của tác giả dân gian (qua tiếng đế về Thị Mầu và thái độ, suy nghĩ của Thị Mầu không? Vì sao?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS đọc câu hỏi và suy nghĩ trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS giơ tay nhanh nhất cho mỗi câu để trả lời, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

***Gợi ý:***

- Tiếng đế cũng cho thấy sự cộng hưởng trong thưởng thức vở diễn, thái độ của người xem trước một sự việc được nhân vật kể lại trong vở chèo, ở văn bản này, trước sự việc Thị Mầu lên chùa ve vãn Tiểu Kính, những tiếng đế (như đã trích dẫn) thể hiện thái độ phê phán, không đồng tình với hành động của Thị Mầu. Xem hành động của Thị Mầu thể hiện sự “lẳng lơ”, “dơ lắm", "không ai làm thế” là cách đánh giá từ phương diện quan niệm đạo đức phong kiến, “nam nữ thụ thụ bất thân”, người phụ nữ cần đoan trang, mực thước, không được quyền chủ động trong tình yêu và hôn nhân mà thuận theo sự sắp xếp của cha mẹ. Trong quan niệm truyền thống, những người như Thị Mầu là nữ lệch, bởi dám “nổi loạn", phá vỡ những "khuôn vàng thước ngọc” về chuẩn mực “cõng, dung, ngôn, hạnh" mà xã hội phong kiến mặc nhiên đòi hỏi ở người phụ nữ, dám bất chấp, tung hô tất cả để sống theo bản năng tự nhiên khỏe khoắn, mạnh mẽ của mình.

- Lời đáp của Thị Mầu thể hiện trực tiếp thái độ của Thị Mầu trước những chê bai, phê phán đó. Đẹp thì khen, cần gì phải hành động theo "ai đó", "kệ tao", mình thích thì mình tỏ bày, mình rung động thì mình bộc bạch (đáp trả "Ai lại đi khen chú tiểu thế, cô Mầu ơi!", "Có ai như mày không?"). "Lẳng lơ đây cũng chẳng mòn / Chính chuyên cũng chẳng sơn son để thờ" - Thị cứ “lẳng lơ", cú’ đa tình, cứ sóng sánh đấy, thì đã sao nào (đáp lại “Dơ lắm!”, "Sao lẳng lơ thế"). Thị Mầu dùng chính lời ăn tiếng nói dân gian để đối đáp lại, bộc lộ suy nghĩ tự nhiên, bản năng sống chất phác, khoẻ khoắn của mình. Thị Mầu tung hê những thứ khuôn phép đạo đức “chính chuyên" luôn được "sơn son để thờ" và “tuyên bố" quyền được sống, quyền được yêu bằng cả phần hồn, phần xác của người phụ nữ. Thị đã bất chấp tất cả, đầy tự tin, đầy bản lĩnh để làm điều đó.

- Từ phương diện nghệ thuật thể hiện hình tượng nhân vật, việc tạo ra sự đối lập giữa đánh giá của dân gian trong tiếng đế với tỏ bày của Thị Mầu trong tiếng đáp làm cho bàn năng khát khao sống, khát khao yêu tự nhiên, sự “nổi loạn" của Thị Mầu càng trở nên mạnh mẽ, quyết liệt, dữ dội hơn.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để trình bày suy nghĩ cá nhân.

**c. Sản phẩm học tập:** Quan điểm cá nhân của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: *Trong hai nhân vật Thị Kính và Thị Mầu, nhân vật nào để lại ấn tượng sâu sắc hơn đối với bạn? Vì sao?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và nêu suy nghĩ cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 4 - 5 HS trình bày đoạn văn hoặc tranh vẽ của mình trước lớp bằng cách chiếu lên bảng.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày đoạn văn trước lớp.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Thị Mầu lên chùa.*

+ Soạn bài: ***Huyện trìa xử án***

Ngày soạn: …/…/….

Ngày dạy: …/…/…..

# TIẾT…: VĂN BẢN 2. HUYỆN TRÌA XỬ ÁN

(***Trích tuồng Nghêu, Sò, Ốc, Hến***)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản. Phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản; nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong văn bản chèo/ tuồng.

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản chèo/ tuồng đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Huyện Trìa xử án*.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Huyện Trìa xử án.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc và ý thức vé trách nhiệm của công dân đối với đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối với những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS. Đồng thời qua đó, thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** Kiến thức, vốn sống của HS có liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS về tên các nhân vật.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV cho HS quan sát hình ảnh các con vật và trả lời câu hỏi: *Bạn biết gì về các con vật như nghêu, sò, ốc, hến, hà, hàu, trìa,...? Bạn nghĩ thế nào khi tên các con vật này được dùng để đặt tên cho các nhân vật trong tác phẩm văn học?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu và trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã tích cực trả lời câu hỏi

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới*. Bài học hôm nay sẽ tìm hiểu về Huyện Trìa xử án.*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản *Huyện Trìa xử án* một cách hiệu quả.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu tri thức có liên quan về văn bản *Huyện Trìa xử án*.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS nhớ lại kiến thức đã tìm hiểu về nghệ thuật tuồng và nhắc lại các đặc điểm của tuồng (đề tài, nhân vật, cốt truyện, tích truyện, lời thoại)  - GV đặt câu hỏi: *Dựa vào phần đọc và tìm hiểu ở nhà, hãy giới thiệu về vở tuồng Nghêu, Sò, Ốc, Hến và đoạn trích Huyện Trìa xử án.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc bài, chú ý thực hiện những yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2: Đọc văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phân vai và yêu cầu HS đọc theo nhân vật trong văn bản. Chú ý ngữ điệu, cử chỉ phù hợp với lời thoại của nhân vật.  - GV mời HS chia sẻ những nội dung tiếp nhận được theo các chỉ dẫn đọc ở bên phải văn bản.  - GV yêu cầu HS sau khi đọc, tóm tắt nội dung đoạn trích và chia bố cục văn bản.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin tác giả trong SGK, tóm tắt ý chính.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến***  - Nghêu, Sò, Ốc, Hến thuộc loại tuồng đồ (tuồng hài), châm biếm sâu sắc nhiều thói hư tật xấu trong xã hội và lật tẩy bộ mặt xấu xa của một số kẻ thuộc bộ máy cai trị ở địa phương trong xã hội xưa.  - Đây là tác phẩm tiêu biểu trong di sản tuồng truyền thống và là vở tuồng đồ thuộc loại đặc sắc nhất.  - Tích tuồng Nghêu, Sò, Ốc, Hến có một số dị bản, kể khác nhau ở một vài chỗ, trong đó có tình tiết đánh ghen cuối vở.  - Văn bản Nghêu, Sò, Ốc, Hến do Hoàng Châu Ký chỉnh lý (1957) gồm có tất cả ba hồi.  ***2. Đoạn trích Huyện Trìa xử án***  *a. Xuất xứ*  - Trích từ vở tuồng Nghêu, Sò, Ốc, Hến, là lớp XIII của vở tuồng, nhan đề do người biên soạn đặt.  - Văn bản in trong Tổng tập Văn học Việt Nam, tập 12, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, NXB Khoa học xã hội, năm 2000, trang 534 - 538.  *b. Thể loại*: Tuồng đồ  *c. Bố cục:*  - Từ đầu ... bày thiệt nào: Lời thoại nhân vật huyện Trìa.  - Còn lại: Quá trình xử án. |

**Hoạt động 2: Tổ chức đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh khám phá nội dung, ý nghĩa và đặc sắc về hình thức của văn bản tuồng *Huyện Trìa xử án*.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về bài *Huyện Trìa xử án*.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học *Huyện Trìa xử án*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu lời thoại và mâu thuẫn – xung đột kịch trong văn bản tuồng đồ**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ học sinh đọc văn bản, thảo luận theo cặp và trả lời:  a. Nêu ví dụ về lời đối thoại, độc thoại, bàng thoại của nhân vật và lời chỉ dẫn sân khấu.  b. Cho biết nhân vật nào có số lượt lời nhiều nhất và giải thích lí do.  c. Chỉ ra một số dấu hiệu cho thấy các lời thoại của nhân vật trong văn bản trên mang đặc điểm của thơ hoặc văn vần.  d. Cho biết vì sao trong lời thoại của nhân vật, một số từ ngữ lại được tách riêng ra và đặt trong ngoặc đơn. Ví dụ:  ĐỀ HẦU: (-Dạ! thưa bọn quan này)  ...  HUYỆN TRÌA:  ...  (Em) Phải năng lên hầu gần quan  (Thời) Ai dám nói vu oan gieo họa  ...  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo cặp, HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  ***- Dự kiến sản phẩm: HS chỉ ra được các ví dụ về lời đối thoại, độc thoại, bàng thoại của nhân vật tuồng.***  a. \* Đối thoại:  - ĐỀ HẦU: Trộm của Trùm Sò đêm trước/ Vu cho Thị Hến đêm qua/ Bắt tới chốn huyện nha,/ Xin ngài ra xử đoán.  - HUYỆN TRÌA: Lão Đề lấy tờ khai,/ Đặng ta toan làm ăn/ Cứ mực thẳng, cung cho ngay, bày cho thiệt/ Kẻo hai đàng của nói có, vọ nói không  - THỊ HẾN: Trông ơn quan lớn/ Đoái xét phận hèn/ Phụ mẫu dân quyền quý ấy bề trên/ Ti tiện nữ đơn cô là phận dưới.  \* Độc thoại:  - ĐỀ HẦU: Mụ đà nên tệ/ Ông Huyện cũng xằng,/ Phen này ông bày mặt thú lang/ Huếch với mục ắt râu trụi lủi.  \* Bàng thoại:  HUYỆN TRÌA: Tri huyện Trìa là mỗ/ Nội hạt tiếng khen khen ta/ Cầm đường ngày tháng vào ra/ Hoa nguyệt hôm mai thong thả.  \* Lời chỉ dẫn sân khấu: Hạ.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu mâu thuẫn trong tuồng**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS theo dõi tiếp văn bản phần b và thực hiện yêu cầu: Đọc tìm hiểu lại box tri thức bổ trợ về tác phẩm; định vị sự việc diễn ra trong đoạn trích, xác định mâu thuẫn xảy ra trước phiên xử của Huyện Trìa qua đoạn tóm tắt dưới đây (tr.l18, SGK):  *Trần Ốc, một gà kẻ trộm, nhờ thầy bói là Lữ Ngao gieo quẻ chỉ hướng vào ăn trộm nhà Trùm Sò - một trọc phú trong vùng. Ốc đem của trộm được bán cho Thị Hến, một gái goá trẻ đẹp, ma mãnh. Trùm Sò báo với lí trưởng (Lí Hà), thuê phù thuỷ dùng bùa phép tìm kẻ gian. Một tên gia đinh của Thị Hến, vì bất bình với cách đối xử cay nghiệt của Thị Hến, đã có lời nói hớ hênh, khiến tang vật do Ốc lấy cắp từ nhà Trùm Sò bị phát giác. Lí Hà giam giữ Thị Hến cùng tang vật. Đề Hầu xuất hiện, thấy Thị Hến xinh đẹp, có ý bênh vực thị. Sau đó, cả bọn bị giải lên huyện để quan xét xử.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe yêu cầu và thực hiện nhiệm vụ, xác định các mâu thuẫn trong truyện.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **II. Đọc hiểu văn bản**  ***1. Lời thoại và mâu thuẫn – xung đột kịch trong văn bản tuồng đồ***  - Văn bản sử dụng cả lời nói đối thoại, độc thoại và bàng thoại.  - Nhân vật Huyện Trìa là nhân vật có số lượt lời nhiều nhất (6 lượt lời) với Đề Hầu, Thị hến, vợ chồng Trùm Sò; bàng thoại, độc thoại, đối thoại. Bởi Huyện Trìa là người cầm cân nảy mực, vừa ba hoa, vừa muốn làm ra vẻ công minh vừa muốn tán tỉnh, lấy lòng Thị hến, lấn át Đề hầu, dọa dẫm Trùm Sò… Huyện Trìa nắm giữ, thích nói gì thì nói, miệng nhà quan có gang, có thép…🡪 ngụ ý của tác giả dân gian muốn lật tẩy bản chất của y.  + Lời thoại của nhân vật mang đặc điểm của thơ vần, như trong lời thoại của nhân vật Huyện Trìa:  *Nộ hát tiếng khen khen ta*  *Cầm đường ngày tháng vào ra*  *Hoa nguyệt hôm mai thong thả...*  => Lời thoại gieo vần, ngắt nhịp 2/2/2. Đây là một trong những đặc điểm của thể loại thơ.  - Từ ngữ trong ngoặc đơn để tăng tính khẩu ngữ và lời thưa bẩm, làm rõ lối nịnh trên nạt dưới (thượng đội hạ đạp), tư tình với Thị Hến của Đề Hầu.  \* Các mâu thuẫn giữa các nhân vật:  - Trước phiên tòa, những mâu thuẫn nảy sinh chồng chéo, liên quan đến vụ bắt giữ, kiện tụng:  + Mâu thuẫn giữa trộm Ôc, Lử Ngao với vợ chồng Trùm Sò, Lí Hà [1]  + Mâu thuẫn giữa vợ chồng Trùm Sò, Lí Hà với Thị Hến [2]  + Mâu thuẫn giữa vợ chồng Trùm Sò, Lí Hà với Đề Hầu [3]  - Trong phiên toà, các mâu thuẫn cũ tiếp tục phát triển:  + Mâu thuẫn giữa vợ chồng Trùm Sò, Lí Hà với Thị Hến [2]  + Mâu thuẫn giữa vợ chồng Trùm Sò, Lí Hà với Đề Hầu [3]  Đồng thời nảy sinh thêm các mâu thuẫn mới:  + Mâu thuẫn Huyện Trìa với Đề Hầu [4]  + Mâu thuẫn Huyện Trìa với vợ chồng Trùm Sò [5]  - Nguyên nhân làm nảy sinh mâu thuẫn: Các mâu thuẫn nảy sinh trước phiên toà xuất phát từ vụ trộm và việc tàng trữ đồ ăn cắp bị phát giác. Từ các mâu thuẫn đó, khi vụ việc được đưa đến cho quan toà (Huyện Tria) xử lại nảy sinh những mâu thuẫn mới (nhất là mâu thuẫn [4], [5]). Nguyên nhân là do Đề Hầu và Huyện Tria đều mê nhan sắc Thị Hến, đều muốn lấy lòng, ban ơn cho Thị Hến để tán tỉnh Thị và xử ép Trùm Sò. |
| **Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nhân vật Huyện Trìa**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS theo dõi tiếp văn bản phần văn bản và thực hiện yêu cầu:  + Hoàn thành phiếu học tập với nói dung: *Nhận biết và chỉ ra một số lời bàng thoại, độc thoại, đối thoại của nhân vật Huyện Trìa. Từ đó phân tích tính cách nhân vật qua các lời thoại.*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | ***Bàng thoại*** | ***Độc thoại*** | ***Đối thoại*** | | *Ví dụ* |  |  |  | | *Tác dụng* |  |  |  |   - GV gợi ý HS tìm các chi tiết trong văn bản, Huyện Trìa tự giới thiệu về mình, mục đích xử kiện của nhân vật qua lời xưng danh. | ***3. Nhân vật Huyện Trìa***  - Tính cách của nhân vật Huyện Trìa được thể hiện qua các lời thoại: |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | ***Bàng thoại*** | ***Độc thoại*** | ***Đối thoại*** | | *Ví dụ* | Lời tự xưng của nhân vật *“Tri huyện Trìa là mỗ… Luật không hay thời ta xử theo trí, Thẳng tay một mực ăn tiền./ Đơn từ già, trẻ lạ quen/ Nhắm mắt đánh đòn…”* | *“Đã biết mặt lão Đề hay nói bậy/ Còn giơ hàm chú Lại nói cò cưa/ Lưng cù chầy hình khéo bơ sờ,/ Móm xà cáng vinh râu ngoe ngoét.”* | *+ Này Thị Hến!/ Việc phải, không, vốn ta chưa tỏ,/Thấy đơn côi chút chạnh lòng thương/ (Em) Phải năng lên hầu gán quan (Thời)/ Ai dám nói vu oan gieo hoạ.*  *+ Nguyên tang không phải đó,/ Tình trạng nghiệm là phi./ Ỷ phú gia hống hách,/ Hiếp quả phụ thân cô,/ Cứ lấy đúng pháp công,/ Tội cá vợ lẫn chồng,/ (Thôi) Ta thứ liền ông, liền mụ.* | | *Tác dụng* | - Lời bàng thoại đã tự họa chân dung của Huyện Trìa, một viên quan sâu mọt với nhiều thói xấu. | - Lời độc thoại bộc lộ tính cách hách dịch, đố kị của Huyền Trìa trong quan hệ với thuộc cấp (Đề Hầu). | Lời đối thoại thể hiện Huyện Trìa xử kiện thiên vị, bất minh với động cơ mờ ám. | | |
| *+ Kết quả của buổi xử án ra sao? Từ lời phán cuối cùng của Huyện Trìa, lời than của Trùm Sò, lời tri ân của Thị hến, bạn có nhận xét gì về kết quả của phiên tòa.*  *+ Em hãy nêu nhận định chung về tính cách của Huyện Trìa.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe yêu cầu và thực hiện nhiệm vụ, xác định các mâu thuẫn trong truyện.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | *- Kết quả xử án:*  - Thị Hến được tha bổng trong khi Trùm Sò không lấy lại được của cải đã mất.  - Huyện Trìa xử án dựa vào tham mê, dục vọng với Thị Hến còn Trùm Sò chỉ biết than trời trong sự bất lực tuân theo phán quyết *“Trời cao kêu chẳng thấu/ Quan lớn dạy phải vâng”*  🡪 Một kết quả không hề có sự công bằng, liêm chính mà chỉ có ham mê, cảm tính, tự ý quyết định.  - Qua những lời bàng thoại, độc thoại: Huyện Trìa là viên quan mang nhiều thói hư tật xấu như háo sắc, dại gái, sợ vợ; tham tiền; thích nhàn hạ hưởng thụ, chểnh mảng việc công; đội trên (lo lót quan trên) đạp dưới (mắng nhiếc thuộc cấp); xử án ăn tiền, bất cần luật lệ,...  - Qua những lời đối thoại, phán quyết trong phiên toà: Quan huyện Trìa xử kiện bất minh. Vì háo sắc, Huyện Trìa ngang nhiên biến công đường thành nơi tán tỉnh gái goá, xưng hô thớ lợ; xét xử thiên vị, tuỳ tiện, bất minh (không quan tâm đến sự thật ai đúng, ai sai, ai vô tội, ai có tội,...).  *🡪 Màn kịch đã kết hợp và phát huy tác dụng của ngôn ngữ bàng thoại, độc thoại với đối thoại trong tuồng đồ để lột trần bản chất xấu xa, đen tối của nhân vật Huyện Trìa - một hình tượng biếm hoạ có ý nghĩa phê phán sâu sắc.* |
| **Nhiệm vụ 4:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS qua đoạn trích, nhận xét về tình cảm và cảm xúc của tác giả thể hiện qua ngôn ngữ kịch trong văn bản.  - GV gợi ý HS nhớ lại đặc trưng của kịch. Tất cả đều thể hiện qua ngôn ngữ nhân vật gắn với mâu thuẫn, xung đột và cách dẫn dắt, giải quyết mâu thuẫn xung đột trong văn bản.  - GV yêu cầu HS xác định các dấu hiệu, manh mối gián tiếp giúp nhận biết tình cảm, cảm xúc đối với sự việc, nhân vật của tác giả dân gian qua ngôn ngữ tuồng. Được thể hiện qua: cách miêu tả sự việc, hành động của nhân vật với thái độ đồng tình, ngợi ca hay bất đồng, phê phán hoặc qua đối thoại, độc thoại thể hiện thái độ, tình cảm, nhận xét của nhân vật khác với sự việc/ nhân vật.  - GV hướng dẫn HS xác định và nhận xét tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện qua ngôn ngữ kịch đối với sự việc, nhân vật.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe yêu cầu và thực hiện nhiệm vụ, xác định các mâu thuẫn trong truyện.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | ***3. Tiếng cười dân gian qua vở tuồng***  - Qua cách miêu tả sự việc, hành động của nhân vật và qua ngôn ngữ kịch có thể thấy tác giả dân gian thể hiện thái độ:  + Phơi bày bộ mặt xấu xa, thối nát của những kẻ quan lại tham ô, nhũng nhiễu dân chúng và đam mê tửu sắc.  + Cười cợt, phê phán phán những kẻ được coi là “cầm cân nảy mực” như Huyện Trìa, Đề Hầu nhưng xét xử không công bằng.  + Cảm thông, thương xót cho thân phận của những người dân thấp cổ bé họng, qua tiếng than của vợ chồng Trùm Sò. |
| **Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS theo dõi tiếp văn bản và trả lời: *Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật văn bản.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc lại bài thơ và suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung:***  - Văn bản phơi bày bộ mặt xấu xa thối nát của những kẻ quan lại, chức dịch tham ô, nhũng nhiễu dân chúng và đam mê tửu sắc, những góc khuất đen tối, xấu xa của xã hội với những mặt trái, những điều tiêu cực còn tồn tại chốn cửa quan - nơi mà người ta tìm đến để đòi lại công bằng. Qua đó bộc lộ niềm cảm thông, thương xót cho thân phận của những người dân thấp cổ bé họng.  ***2. Nghệ thuật***  - Thể hiện được những đặc trưng của tuồng: ngôn ngữ, nhân vật, lời thoại, cử chỉ, hành động.  - Nghệ thuật châm biếm hóm hỉnh.  - Ngôn từ dễ hiểu, mộc mạc. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản *Huyện Trìa xử án* đã học.

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** HS viết câu trả lời vào vở.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS suy nghĩ cặp đôi và trả lời câu hỏi:

1.  *Xác định đề tài và nêu cảm hứng chủ đạo của văn bản Huyện Trìa xử án. Theo bạn, tích truyện của vở tuồng được lấy từ đâu? Nêu một vài căn cứ giúp em nhận biết văn bản Huyện Trìa xử án được sáng tác, lưu truyền theo phương thức truyền miệng.*

*2. Từ việc đọc hiểu văn bản trên, cho biết: khi đọc, phân tích một kịch bản tuồng nói riêng, văn bản kịch nói chung, ta cần lưu ý những điều gì?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS đọc câu hỏi và suy nghĩ trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS trả lời, các nhóm khác lắng nghe và bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**Gợi ý:**

***Câu 1:***

- Đề tài: những trò lố ở chốn huyện đường.

- Cảm hứng chủ đạo: phê phán, chế giễu cung cách xử án tuỳ tiện, bất chấp sự thật của những kẻ đại diện cho chính quyền nông thôn như Huyện Trìa, Đề Hầu.

- Nguồn gốc tích truyện: được xây dựng từ mô-típ truyện kể dân gian, ví dụ: mô-tip "mắc lỡm" các nhân vật nam háo sắc bị người nữ cài vào tình thế phái chui xuống gầm giường, chui vào bu nhốt gà, treo lên giả làm cái chuông (khi bị thử đánh thì kêu lên "Na-mô-boong! "),...

- Phương thức sáng tác, lưu truyền: truyền miệng nên có các dị bản.

Ví dụ bán Nghêu, Sò, Ôc, Hến do Hoàng Trọng Miên giới thiệu, Nhà xuất bản Đào Tấn, 1967, chì gồm 15 lớp (thiếu đi 4 lớp so với bản hiện dùng trong SGK Ngữ văn 10, bộ Chân trời sáng tạo), nhân vật "Sư Nghêu" được gọi là "Thầy Nghêu".

***Câu 2:*** Khi đọc, phân tích một kịch bản tuồng nói riêng, văn bản kịch nói chung, ta cần lưu ý:

- Xác định được đề tài, nội dung chính của văn bản.

- Xác định các nhân vật, những lời đối thoại, độc thoại, bàng thoại.

- Hiểu được ý nghĩa, quan điểm mà tác giả muốn gửi gắm đến.

- Xác định được thể loại văn bản.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về bài *Huyện Trìa xử án* để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** HS xem video đoạn tuồng Huyện Trìa xử án có thêm cảm nhận về văn bản đã học

**c. Sản phẩm học tập:** HS xem và cảm nhận vở tuồng

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS trả lời: *Xem đoạn video sau và nêu cảm nhận của em về các nhân vật trong đoạn trích: Huyện Trìa, Đề Hầu, Thị Hến và Trùm Sò.*

<https://www.youtube.com/watch?v=r27EXJkXwOw&t=52s>

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV để trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2- 3 HS nêu suy nghĩ của mình.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, tuyên dương những HS tích cực phát biểu và tổng kết văn bản: Vở tuồng Huyện Trìa xử án đã thể hiện cái nhìn châm biếm của tác giả về thói tham nhũng, xử kiện dựa trên đồng tiền của một bộ phận quan lại thối nát vô lương tâm trong xã hội cũ. Tác giả để cho nhân vật tự giới thiệu, bộc lộ bản chất của mình thông qua lời thoại, cử chỉ và ngôn ngữ, không cần dùng đến một từ ngữ phê phán hay bình luận nào. Đây là một cách thể hiện rất khéo léo. Thông qua câu chuyện ở huyện đường, tác giả vừa châm biếm vừa phê phán tầng lớp quan lại, nhưng đồng thời cũng phơi bày trước mắt bạn đọc một xã hội lừa lọc, thủ đoạn và thiếu tình người. Tiếng cười được gửi gắm trong tác phẩm vừa sâu cay vừa mang ý nghĩa phê phán sâu sắc.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Huyện Trìa xử án*.

+ Soạn bài: ***Đàn ghi-ta phím lõm trong dàn nhạc cải lương***

Ngày soạn:……./…../……

Ngày dạy:……./…../…..

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

# TIẾT…: VĂN BẢN 1. ĐÀN GHI-TA PHÍM LÕM TRONG DÀN NHẠC CẢI LƯƠNG

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Củng cố kĩ năng đọc hiểu văn bản đã được hình thành qua bài học trước đó.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, thẩm mĩ.

**b. Năng lực riêng biệt**

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản. Phát hiện được các giá trị văn hóa từ văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Trân trọng văn hóa truyền thống dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập, kết nối những bài học trước đó huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS.

**b. Nội dung:** Kiến thức, vốn sống của HS có liên quan bài học.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS cảm nhận về các loại nhạc cụ truyền thống dân tộc.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: *Kể tên một số nhạc cụ truyền thống dân tộc mà em biết, được sử dụng trong nghệ thuật chèo, tuồng.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, nhớ lại kiến thức và trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp về những hiểu biết, cảm nhận của bản thân.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS đã có ý thức tìm hiểu nghệ thuật truyền thống của dân tộc.

- GV lấy ví dụ trong sân khấu chèo, các nhạc cụ tương đối phong phú. Dàn nhạc chèo gồm có các nhạc cụ gõ và các nhạc cụ ti, trúc như sau: Nhạc gõ có trống đế, trống cơm, trống ban, trống bộc, trống cái, mõ, thanh la, chuông, tiu, cảnh, não bạt, sinh tiền. Nhạc ti trúc có: Nhị, hồ, nguyệt, tam, bầu, tam thập lục, tiêu, sáo.

- GV dẫn dắt vào bài: *Bài học hôm nay cùng tìm hiểu về một nhạc cụ được sử dụng trong nghệ thuật cải lương qua văn bản* ***Đàn ghi-ta phím lõm trong dàn nhạc cải lương.***

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản một cách hiệu quả.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu các tri thức có liên quan và huy động trải nghiệm, vốn sống của HS.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung bài *học.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV gọi một số HS đọc văn bản.  - Gv gọi một số HS chia sẻ những kết quả đọc theo chỉ dẫn của SGK ở bên phải văn bản.  - GV yêu cầu HS:  *+ Xác định xuất xứ và bố cục của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin tác giả trong SGK, tóm tắt ý chính.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi 3 - 4 HS chia sẻ kết quả.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  ***1. Đọc văn bản***  - Xuất xứ: Văn bản được in trong Sân khấu cải lương ở Hồ Chí Minh, NXB Tổng hợp - NXB Văn hóa Sài Gòn, năm 2007, trang 58-59, theo Nguyễn Thị Minh Ngọc, Đỗ Hương.  - Bố cục:  + Phần 1: (từ đầu...son, la, si): Lịch sử đàn ghi - ta phím lõm.  + Phần 2 (còn lại): Giá trị của đàn ghi - ta phím lõm. |

**Hoạt động 4: Tổ chức đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khám phá nội dung, ý nghĩa và đặc sắc về hình thức của văn bản, hiểu được các khái niệm công cụ, rèn luyện các chiến thuật đọc. Từ đó, GV giúp HS luyện tập, thực hành, vận dụng kiến thức về văn học chèo vào thực tiễn cuộc sống.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu đặc điểm văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS theo dõi lại văn bản và thảo luận theo nhóm:  *+ Vẽ sơ đồ các ý chính của văn bản trên. Mỗi khía cạnh của thông tin cơ bản trong bài gắn với những hình ảnh minh họa nào?*  *+ Nêu tác dụng của sơ đồ nhánh đính kèm (hình 2) trong bài:*  Diagram, timeline  Description automatically generated  - Các nhóm thảo luận và trao đổi nội dung.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc lại văn bản và thiết kế sơ đồ, đảm bảo đầy đủ các ý chính (thông tin cơ bản) và hệ thống ý phụ (thông tin chi tiết/ khía cạnh).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **II. Đọc hiểu văn bản**  ***1. Đặc điểm văn bản***  - Thông tin cơ bản: Vai trò của đàn ghi-ta phím lõm trong dàn nhạc cải lương.  - Thông tin chi tiết:  + Giới thiệu chung về đàn ghi-ta phím lõm trong dàn nhạc cải lương (hình minh họa 1).  + Nguồn gốc đàn ghi-ta phím lõm và sáng tạo của các nghệ sĩ Việt Nam. (hình minh họa 2)  + Ưu thế của đàn ghi-ta phím lõm: âm độ rộng, âm sắc phong phú, kĩ thuật nhấn nhá đa dạng.  + Một số nghệ sĩ nổi tiếng với cây đàn ghi-ta phím lõm. (hình minh họa 3)  + Thực tế cho thấy đàn ghi-ta phím lõm ngày càng khẳng định được vai trò quan trọng của mình trong dàn nhạc cải lương.  - Văn bản sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ, góp phần làm phong phú và sinh động nội dung của văn bản, được thể hiện qua các hình ảnh, sơ đồ:  + Hình ảnh: trực quan và giới thiệu đến người đọc về nhạc cụ, những nghệ sĩ nổi tiếng gắn với loại nhạc cụ này.  + Sơ đồ nhánh:  Tác dụng: Trực quan và phân loại hệ thống hoá (từ tổng thể đến chi tiết). Sơ đồ trên vừa cho thấy tổng thể các bộ nhạc cụ vừa cho thấy các nhạc cụ chính trong dàn nhạc cải lương, cách phân loại, gọi tên bộ nhạc cụ/ nhạc cụ theo thứ bậc hợp lí.  + Bậc thứ nhất "Dàn nhạc cái lương".  + Bậc thứ hai gồm 4 nhánh tương ứng với 4 bộ nhạc cụ: "Bộ gõ", "Bộ gảy", "Bộ kéo", "Bộ thổi" (tên các bộ được đặt theo cách thức tạo ra âm thanh).  🡪 mỗi bộ là một tập hợp các nhạc cụ có chức năng, đặc điểm gần gũi; mức độ phong phú của nhạc cụ trong các bộ có thể khác nhau. |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS theo dõi lại văn bản và trả lời câu hỏi: Dựa vào văn bản, hãy thuyết trình giới thiệu về cây đàn ghi-ta phím lõm với các thông tin:  *+ Đàn ghi-ta phím lõm sử dụng trong nghệ thuật truyền thống nào?*  *+ Nguồn gốc*  *+ Ưu thế của đàn ghi ta.*  *+ Vai trò của đàn ghi-ta trong dàn nhạc cải lương.*  - Các nhóm thảo luận và trao đổi nội dung.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc lại văn bản và thiết kế sơ đồ, đảm bảo đầy đủ các ý chính (thông tin cơ bản) và hệ thống ý phụ (thông tin chi tiết/ khía cạnh).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **2. Tầm quan trọng của ghi-ta phím lõm**  - Đàn ghi-ta phím lõm là nhạc cụ chính, giữ song loan và “bao sân” cho cả dàn nhạc cải lương.  - Lịch sự hình thành:  + Đànghi-ta có lịch sử lâu đời với nhiều thiết kế khác nhau, nhưng đã được người Tây Ban Nha cải tiến lại để có hình dáng và cấu trúc như ngày nay.  + Người Việt Nam biết đến đàn ghi-ta đầu thế kỉ XX. Cảm nhận được âm vực rộng và âm sắc phong phú của cây ghi-ta, các nghệ nhân Việt Nam đã khai thác và cải tiến cây đàn, khoét lõm các cung đàn trên cần để tạo nên hiệu ứng ngân rung đặc biệt, phù hợp với thang âm của âm nhạc Việt. 🡪 Trở thành cây ghi-ta phím lõm, nghĩa là cây ghi-ta Việt Nam đã xướng lên bằng ngôn ngữ âm nhạc Việt (hò, sự, xang, xê, cống)  - Ưu thế:đảm bảo được âm độ rộng, từ thấp, trung đến cao, âm sắc phong phú, phím cung sâu nhấn nhá rất đa dạng. Ớ loại hơi và thể điệu nào, đàn cũng thể hiện một cách xuất sắc, điều này không phải nhạc cụ nào cũng làm được. 🡪 Từ khi được Việt Nam hóa đến nay, cây ghi-ta phím lõm vẫn luôn đóng vai trò chủ chốt, trở thành nhạc cụ trụ cột không thể thay thế của dàn nhac tài tử và cải lương. |
| **Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nghệ thuật và nội dung ý nghĩa.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS:  + *Em hãy tổng kết về nghệ thuật và nội dung của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, suy nghĩ để tổng kết bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 3 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  - GV bổ sung: Phương thức miêu tả và tự sự có tác dụng cụ thể hóa thông tin được thuyết minh ở văn bản này, ở đây là cụ thể hóa, chi tiết hóa, làm rõ điểm đặc sắc riêng có của lễ hội Ka-tê của đồng bào Chăm ở Ninh Thuận, đồng thời, giúp việc trình bày thông tin, nhất là thông tin về văn hóa, lễ hội trở nên sinh động hơn, không khô khan. | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung – ý nghĩa***  - Văn bản cung cấp cho người đọc những thông tin về đàn ghi ta phím lõm lịch sử ra đời, quá trình du nhập và Việt Nam, âm điệu với nhiều sắc thái. Đồng thời khẳng định tầm quan trọng của đàn ghi-ta phím lõm trong dàn nhạc và sự đón nhận của dàn nhạc cải lương đối với đàn ghi-ta phím lõm.  ***2. Nghệ thuật***  - Văn bản sử dụng ngôn từ rõ ràng, rành mạch, khách quan, phù hợp với văn bản thông tin.  - Bố cục hợp lý, cung cấp thông tin một cách khách quan.  - Kết hợp nhuần nhuyễn giữa thuyết minh và miêu tả, tự sự, tăng tính hiệu quả của việc thể hiện thông tin. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản đã học.

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi trắc nghiệm, HS suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** HS đưa ra câu trả lời đúng.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm qua trò chơi “Ai nhanh hơn”*

***Câu 1.*** *Thông tin nào sau đây không có trong văn bản?*

A. Nguồn gốc đàn ghi-ta phím lõm.

B. Vai trò của đàn ghi-ta phím lõm.

C. Ưu thế của đàn ghi-ta phím lõm.

D. Nhược điểmcủa đàn ghi-ta phím lõm.

***Câu 2.*** *Cây đàn ghi ta có hình dáng cấu trúc như ngày nay nhờ vào sự cải tiến của đất nước nào?*

A. Bồ Đào Nha

B. Bra-xin

C. Tây Ban Nha

D. Đức

***Câu 3.*** Người Việt Nam biết đến cây đàn ghi-ta từ bao giờ?

A. Đầu thế kỉ XX

B. Cuối thế kỉ XIX

C. Đầu thế kỉ XVIII

D. Cuối thế kỉ XX

***Câu 4.*** Danh cầm nào sau đây không phải giọng ca vàng cải lương Sài Gòn?

A. Văn Vĩ

B. Quách Thị Hồ

C. Út Trà Ôn

D. Bảy Dư

Câu 5. Trước năm 1975, nhạc cụ nào là nhạc cụ chính và giữ song loan trong dàn nhạc cải lương?

A. Đàn kìm

B. Đàn bầu

C. Đàn nhị

C. Đàn ghi-ta

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS đọc câu hỏi và suy nghĩ trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS giơ tay nhanh nhất cho mỗi câu để trả lời, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

***Gợi ý:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Câu*** | ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5*** |
| Đáp án | D | C | A | B | A |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu về các bộ môn nghệ thuật truyền thống có tiếp nhận *những* yếu tố hiện đại từ nước ngoài.

**c. Sản phẩm học tập:** Hiểu biết của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: *Ngoài nghệ thuật cải lương, bạn có biết bộ môn nghệ thuật nào ở Việt Nam có tiếp nhận những yếu tố hiện đại từ nước ngoài trên nền tảng nghệ thuật cổ truyền hay không? Bạn đánh giá như thế nào về sự tiếp nhận này ?*

- HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV để viết đoạn văn.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2-3 HS trình bày đoạn văn hoặc tranh vẽ của mình trước lớp bằng cách chiếu lên bảng.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày đoạn văn trước lớp.

- Gv giới thiệu về đờn ca tài tử.

|  |  |
| --- | --- |
| See the source image | See the source image |

+ Đó là đờn ca tài tử (đàn ca tài tử).

+ Đờn ca tài tử xuất hiện hơn 100 năm trước, là loại hình diễn tấu có ban nhạc gồm bốn loại là đàn kìm, đàn cò, đàn tranh và đàn bầu (gọi là tứ tuyệt). Về sau này, có cách tân bằng cách thay thế độc huyền cầm bằng cây Ghi-ta phím lõm.

+ Sự tiếp nhận ấy rất cần thiết và bổ ích trong nền nghệ thuật Việt Nam. Việc tiếp thu, học hỏi có chọn lọc từ những yếu tố hiện đại của nước ngoài dựa trên nền tảng nghệ thuật cổ truyền vừa giúp giữ được những nét đẹp truyền thống, vừa có chút sáng tạo, mới lạ, hấp dẫn người nghe.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Đàn ghi-ta phím lõm trong dàn nhạc cải lương.*

+ Soạn bài: ***Thực hành tiếng Việt***

Ngày soạn:…../…../……

Ngày dạy:…../…../…..

# TIẾT…: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết tác dụng của phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,..

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Nhận diện, đánh giá được vai trò của các yếu tố hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ trong việc biểu đạt nội dung của văn bản.

- Phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong việc biểu đạt nội dung văn bàn.

**3. Phẩm chất:**

- Hiểu và trân trọng ngôn ngữ tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS nhớ lại kiến thức đã học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS n*hắc lại: Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ là gì? Những yêu cầu khi sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập để trình bày trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS trả lời.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức:

- Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ là những hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,... góp phần truyền tải ý tưởng, quan điểm trong giao tiếp. Đây là phương tiện thường được sử dụng kết hợp với phương tiện ngôn ngữ trong văn bản thông tin tổng hợp, giúp thông tin được truyền tải hiệu quả, sinh động hơn.

- Việc sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ cần đáp ứng được yêu cầu:

+ Lựa chọn hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,... liên quan trực tiếp đến các luận điểm của bài viết.

+ Sử dụng các phương tiện này đúng thời điểm.

+ Đưa ra các chỉ dẫn cần thiết.

+ Chú thích cho các hình ảnh, sơ đồ,... trong bài viết: giải thích rõ về vị trí, ý nghĩa của hình ảnh, sơ đồ; nêu nguồn dẫn (nếu là dẫn lại từ nguồn khác, bài khác).

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Bài học hôm nay chúng ta cùng thực hành Tiếng Việt về tác dụng của các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, biểu đồ trong các văn bản.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC – LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về tiếng việt

**b. Nội dung:** GV chiếu bài tập, HS suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành các bài tập trong sách giáo khoa.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1: Bài tập 1**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS quan sát lại hình ảnh được sử dụng trong văn bản Đàn ghi-ta phím lõm trong dàn nhạc cải lương và thực hiện yêu cầu:

a. Các hình ảnh được sử dụng trong văn bản Đàn ghi-ta phím lõm trong dàn nhạc cải lương giúp bạn hiểu thêm điều gì về các thông tin chính mà văn bản truyền tải?

b. Nhận xét về cách tác giả văn bản chú thích các hình ảnh đính kèm: độ dài của phần chú thích ảnh, mối liên hệ giữa hình ảnh và phần chú thích với văn bản chính,...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A picture containing music, guitar  Description automatically generated | Diagram  Description automatically generated | A person holding a guitar  Description automatically generated with low confidence |

- GV gợi ý: *Đối chiếu các hình minh hoạ trong bài với các đoạn thuyết minh bằng lòi trong VB và đưa ra câu trả lời về tác dụng minh hoạ gợi mở của các hình ảnh được sử dụng trong VB Đàn ghi-ta phím lõm trong dàn nhạc cải lương.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS đọc và hoàn thành bài tập 1.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS giơ tay nhanh nhất cho mỗi câu để trả lời, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

***Gợi ý trả lời:***

a. Các hình ảnh được sử dụng trong văn bản Đàn ghi-ta phím lõm trong dàn nhạc cải lương giúp người đọc hiểu thêm về lời thuyết minh, hình dạng cây đàn ra sao; sự khác nhau giữa cần đàn ghi-ta thường và cần đàn ghi-ta lõm; nó được sử dụng rộng rãi trong môi trường nào; dàn nhạc cải lương bao gồm những nhạc cụ nào.

b. Cách tác giả văn bản chú thích các hình ảnh đi kèm:

- Độ dài chú thích vừa phải, tương ứng với chiều dài của ảnh.

- Nội dung của phần chú thích và ảnh đồng nhất với nhau.

- Hình ảnh và phần chú thích giúp lời thuyết minh trong văn bản chính rõ ràng hơn.

**Nhiệm vụ 2: Bài tập 2**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm***: Phân tích các lỗi lặp từ, lặp nghĩa, lỗi dùng từ không  hợp với phong cách ngôn ngữ trong các câu sau và sửa lại cho đúng***

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS đọc và hoàn thành bài tập 2.

**-** Gv yêu cầu HS làm việc theo nhóm: *Quan sát các dạng biểu đồ và cho biết có thể thay thế các biểu đồ trong ba hình ảnh minh họa trên bằng dạng khác được không? Vì sao?*

A picture containing diagram

Description automatically generated

**-** GV hướng dẫn: thử đưa ra một số khả năng thay thế (ví dụ thay biểu đồ tròn (hình 3) bằng biểu đồ đường (hình 2) hay biểu đồ cột (hình 1) được không? Có phù hợp với khả năng biểu hiện của biểu đồ không?

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS đại diện các nhóm báo cáo kết quả,

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

***Gợi ý trả lời***

***Bài tập 2:***

- Biểu đồ tròn dùng để mô tả tỉ lệ các thành phần trong một tổng thể (100%). Biểu đồ đường thể hiện tiến trình phát triển của một đối tượng hay một nhóm đối tượng nào đó qua thời gian. Biểu đồ cột mô tả sự phát triển của một đối tượng, so sánh tương quan về độ lớn giữa các đại lượng.

Chart, bar chart

Description automatically generated- ***Dạng biểu đồ tròn*** (hình 3) thường không dùng thay thế cho biểu đồ cột (hình 1) hoặc biểu đồ đường (hình 2) và ngược lại, vì biểu đồ tròn mô tả tỉ lệ các thành phần trong một tổng thể (100%) trong khi hai loại biểu đồ kia không có tác dụng như vậy. Tuy nhiên, cần lưu ý, trong trường hợp này, chúng ta vẫn có thể dùng biểu đồ cột để mô tả các số liệu về tỉ lệ giới tính trong biểu đồ tròn (hình 3) như sau:

- ***Dạng biểu đồ cột*** (hình 1) và biểu đồ đường (hình 2) thường có thể thay thế cho nhau vì cùng có tác dụng mô tả tiến trình phát triển của một đối tượng hoặc so sánh độ lớn giữa các đại lượng. Tuy nhiên, khi cần biểu thị tiến trình phát triển của nhiều đối tượng thì dạng biểu đồ đường sẽ phù hợp hơn.

***Kết luận:*** Mỗi dạng biểu đồ thường có chức năng, ưu thế riêng trong việc truyền tài thông tin, minh hoạ thông tin. Người viết VB thông tin thường phải cân nhắc rất kĩ khi thiết kế biểu đồ mô tả các số liệu. Trong trường hợp cần và có thể thay thế thì phải cân nhắc kĩ và có những điều chỉnh cho phù hợp.

**Nhiệm vụ 3: Bài tập 3**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Graphical user interface, text, application, email

Description automatically generated- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, sưu tầm một văn bản thông tin có sử dụng biểu đồ và nêu tác dụng của biểu đồ đó. GV đưa ra ví dụ:

Text

Description automatically generated

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS tập hợp dẫn chứng là các bài báo đã sưu tầm được và trình chiếu trên máy chiếu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi một số HS trình bày dẫn chứng tìm được

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết bài văn.

**c. Sản phẩm học tập:** Văn bản HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thực hành: *Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày ý kiến của bạn về việc bảo tồn một loại hình nghệ thuật, một nhạc cụ, một kiểu trang phục,... truyền thống của dân tộc, trong đó có sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.*

*- GV hướng dẫn HS:*

+ Xác định đề tài, tìm ý tưởng cho đoạn văn; phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ nên sủ dụng (ảnh minh hoạ, sơ đồ, biểu đồ,..).

+ Phác nhanh một bố cục: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn.

+ Viết nhanh theo bố cục.

+ Xem lại và chỉnh sửa nhanh.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và lựa chọn đề tài thực hiện.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi HS trình bày.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày bài tập trước lớp.

- GV đưa đoạn văn mẫu gợi ý:

Múa rối nước là sân khấu nghệ thuật đặc sắc của văn hóa lúa nước, ra đời hầu như cùng lúc với sự hình thành nền văn hóa Đại Việt. Do tính đặc sắc của nó, nên từ nghệ thuật mang yếu tố dân gian Múa rối nước đã nhanh chóng trở thành nghệ thuật truyền thống, có thể sánh ngang với Tuồng, Chèo. Tinh hoa Múa rối nước Việt Nam đã được sự ngưỡng mộ trong làng bạn bè thế giới, sân khấu Múa rối nước được xem là bộ môn nghệ thuật “Độc nhất vô nhị”.



Hình ảnh múa rối nước ở Việt Nam (Nguồn ảnh: Internet)

     Tuy nhiên do xuất hiện sau so với những môn nghệ thuật khác nên Múa rối nước không tránh khỏi những hạn chế, cộng với mục đích thương mại đã làm cho loại hình nghệ thuật này ngày càng mai một và bị lãng quên. Vì vậy, việc bảo tồn loại hình nghệ thuật này vô cùng cần thiết. Các cấp chính quyền, cơ quan chức năng cần đưa ra các giải pháp hữu hiệu, mỗi người hãy có ý thức trong việc giữ gìn, phát huy loại hình truyền thống mang đậm nét văn hóa Việt Nam. Có như vậy Múa rối nước mới thực sự xứng đáng là một loại hình nghệ thuật đặc sắc có tuổi đời hàng ngàn năm, hội nhập và hòa vào sinh hoạt văn hóa cộng đồng trong giai đoạn hiện nay.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Hoàn thành các bài tập trong sách bài tập Ngữ văn 10 tập 1.

+ Soạn bài: ***Viết bản nội quy, hướng dẫn nơi công cộng.***

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

## **TIẾT…: ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI.**

## ***Chọn văn bản chèo: XÃ TRƯỞNG – MẸ ĐỐP***

**(Trích Quan Âm Thị Kính)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của văn bản chèo như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản. Phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản; nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong văn bản chèo.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Xã trưởng - Mẹ Đốp*;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Xã trưởng - Mẹ Đốp*;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản khác có cùng thể loại.

**3. Phẩm chất:**

- Trân trọng và có ý thức phát huy các giá trị văn hoá, nghệ thuật truyền thống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Xã trưởng - Mẹ Đốp*.

**b. Nội dung:** GV đặt câu hỏi để HS chia sẻ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS: *Trong vở chèo Quan Âm Thị Kính, ngoài nhân vật Thị Mầu và Kính Tâm, em còn biết nhân vật nào nữa ? Em có đoán ra nhân vật nào trong ảnh không?*



**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe yêu cầu từ GV, suy nghĩ để chia sẻ trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 HS chia sẻ trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi HS.

- GV dẫn vào bài học mới: Bên cạnh nhân vật Thị Mầu và Thị Kính trong vở chèo, người đọc còn vô cùng thích thú với các nhân vật thể hiện cái nhìn của xã hội với sự việc của Thị Mầu mang thai khi chưa có chồng. Bài học hôm nay các em cùng tìm hiểu trích đoạn ***Xã trưởng - Mẹ Đốp****.*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin cơ bản về văn bản *Xã trưởng - Mẹ Đốp*.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về tác giả, tác phẩm *Xã trưởng - Mẹ Đốp*.

**c. Sản phẩm học tập:** HS nêu được những thông tin cơ bản về văn bản *Xã trưởng - Mẹ Đốp*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK và dựa vào hiểu biết cá nhân hãy giới thiệu trích đoạn *Xã trưởng - Mẹ Đốp.*  - GV yêu cầu các nhóm phân vai và thực hành đọc. Đại diện một nhóm lên đóng vai và diễn lại nội dung văn bản.  - GV yêu cầu HS xác định thể loại và bố cục văn bản.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin trong SGK để nắm được nguồn dẫn của VB.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Xuất xứ văn bản***  - Đoạn trích được trích từ vở chèo Quan Âm Thị Kính, nội dung xoay quanh cuộc trao đổi giữa xã trưởng (người quản lí xã) với mẹ Đốp (vợ của người mõ làng) về việc đi rao mõ, thông báo cho cả làng biết tin Thị Mầu mang thai khi chưa có chồng.  - Văn bản được in trong Kịch bản chèo, quyển 1, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam - NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014, trang 282 - 288 và 324 - 327  ***2. Đọc văn bản***  - Thể loại: chèo  - Bố cục: 2 phần:  + Phần 1 (*Từ đầu ... xã ngồi):* Thái độ xã trưởng  + Phần 2 (*Còn lại)*: Thái độ của mẹ Đốp. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được đặc điểm của văn bản *Xã trưởng - Mẹ Đốp*.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản *Xã trưởng - Mẹ Đốp*.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài *Xã trưởng - Mẹ Đốp*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, hoàn thành phiếu học tập tìm hiểu về nhân vật Xã trưởng và Mẹ Đốp:  *Nội dung:* Liệt kê theo bảng những từ ngữ hình ảnh trong lời thoại của hai nhân vật khi họ nói về công việc thường ngày của mình và của người còn lại. Từ đó hãy nhận xét về thái độ và quan điểm của hai nhân vật.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Nói về xã trưởng** | **Nói về mẹ Đốp và chồng** | | Xã trưởng |  |  | | Mẹ Đốp |  |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp để hoàn thành bảng thông tin.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Nhân vật Xã trưởng**  - Xã trưởng: khinh bỉ ra mặt, coi thường những người thấp kém hơn mình:  + Đi rao mõ  "*Làm cái thứ mõ thì bằng với sắc cái gì?"*  *Tại dân vi tổng lí.*  - Xã trưởng là người kênh kiệu, tự hào mà nói mình được chọn làm lí trưởng là do người dân đều đồng ý chọn, coi mình như là vua ở đây, thể hiện qua các câu thoại:  *Quốc pháp hữu công cầu.*  *Ơn dân xã thuận bầu.*  *Tôi đứng đầu hàng xã.*  **2. Nhân vật Mẹ Đốp**  - Mẹ Đốp là người thích đả kích, châm chọc chức xã trưởng, thể hiện qua các câu thoại sau:  *- Mộc đạc vang lừng hòa cả xã*  *Kim thanh dóng dả khắp đòi nơi*  *- Bất phận danh nhi tài túc*  *Vô chế lệnh nhi dân tòng.*  *- Muôn việc sửa sang quyền cắt đặt Một mình một chiếu thảnh thơi ngồi.*  - Mẹ Đốp dùng những từ ca ngợi nghề của mình cũng được trân trọng, cũng được dân bầu: *Các cụ chửa được ngồi, Thầy sai con đi rao* *mõ.*  - Nói về chồng luôn dùng những từ thẳng thắn để nói về những gì chồng đạt được: *Bố cháu cắp tráp theo hầu cụ Bá lên tỉnh.* |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Nói về xã trưởng** | **Nói về mẹ Đốp và chồng** | | Xã trưởng | - Tại dân vi tổng lí  Quốc pháp hữu công cầu  Ơn dân xã thuận bầu  Tôi đứng đầu hàng xã | - Đi rao mõ.  - Làm cái thứ mõ thì bằng với sắc cái gì? | | Mẹ Đốp | - Các cụ chửa được ngồi.  - Thầy sai con đi rao mõ. | - Mộc đạc vang lừng  Kim thanh dóng dả.  - Bất phận danh nhi tài túc  Vô chế lệnh nhi dân tòng.  - Muôn việc sửa sang quyền cắt đặt  Một mình một chiếu thảnh thơi ngồi.  - Mõ tôi cả tiếng lại dài hơi  Một xã cử bầu chẳng phải chơi  Mộc đạc vang lừng hòa cả xã. | | |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu tiếng cười của dân gian**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt tiếp câu hỏi:  *+ Yếu tố hài hước được tạo nên từ những thủ pháp nào? Thử hình dung khi diễn viên chèo nhập vai mẹ Đốp, họ sẽ sử dụng cử chỉ, hành động như thế nào?*  *+ Mẹ Đốp thuộc kiểu nhân vật nào trong các kiểu nhân vật chính yếu của chèo cổ? Theo bạn, sự xuất hiện của mẹ Đốp nói riêng và kiểu nhân vật này nói chung trong kịch bản chèo có tác dụng như thế nào đối với việc chuyển tải tư tưởng, triết lí dân gian?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe GV đặt câu hỏi, sau đó suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | ***2. Tiếng cười của dân gian***  - Yếu tố hài hước được tạo nên từ những thủ pháp nghệ thuật:  + Ngôn từ giản dị, đậm chất miền quê, gần gũi với nhân dân lao động: đốp chát, bố cháu, chửa, Đốp với chát cái gì.  + Những câu nói hóm hỉnh: *“Con còn hiếm lắm ạ! Mới được có mười cháu thôi ạ,”*  - Nhân vật Mẹ Đốp thuộc kiểu hề - nhân vật hài hước, gây cười – đại diện cho tầng lớp nhân dân (bị trị) luôn luôn tìm cách đả kích, châm chọc, chửi khéo giai cấp thống trị là Xã Trưởng, gây tiếng cười hóm hỉnh, sâu cay, chua chát, sảng khoái, hể hả qua những việc làm ngu dốt, vô nhân đạo của chúng diễn ra hàng ngày.  - Sự xuất hiện của mẹ Đốp nói riêng và kiểu nhân vật này nói chung trong kịch bản chèo có tác dụng hình tượng hóa các quan điểm, triết lí dân gian giúp việc truyền tải dễ dàng hơn, dễ hiểu hơn. |
| **Nhiệm vụ 3:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi cho HS: Tổng kết nội dung, nghệ thuật văn bản. *Em rút ra những điều gì cần lưu ý khi đọc một văn bản thơ?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe GV đặt câu hỏi, sau đó suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Văn bản cho thấy sự phê phán đối với những tầng lớp chức dịch như xã trưởng nhưng lại có tính trêu ghẹo, đùa cợt người khác, ham sắc và khinh người, tự cao và không có đạo đức. Đồng thời, thể hiện xã hội cổ hủ, lạc hậu xưa với những giáo điều, quy định khắt khe qua hình phạt gõ mõ đối với Thị Mầu.  **2. Nghệ thuật**  - Giọng điệu hài hước, châm biếm, mỉa mai.  - Thể hiện đặc trưng của sân khấu chèo ở hình tượng nhân vật, ngôn từ, giọng điệu. lời thoại. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản *Xã trưởng - Mẹ Đốp* đã học.

**b. Nội dung:** GV cho HS xem đoạn video vở chèo “Lý trưởng mẹ mõ” và nêu cảm nhận của em về hai nhân vật này.

**c. Sản phẩm học tập:** HS nêu cảm nhận của bản thân.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV mời HS xem đoạn video:

<https://www.youtube.com/watch?v=wzwE7Hfwu8Q>

- GV đặt câu hỏi: Em có cảm nhận gì thái độ, quan điểm của hai nhân vật.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS xem video, viết suy nghĩ của mình về hai nhân vật.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS hoàn thành và trình bày ý kiến của mình.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời, theo suy nghĩ cá nhân.

- GV tổng kết kết bài học: *Đoạn trích được trích từ vở chèo Quan Âm Thị Kính, nội dung xoay quanh cuộc trao đổi giữa xã trưởng và mẹ Đốp về việc đi rao mõ. Qua lời thoại, giọng điệu, hai nhân vật đã bộc lộ tính cách của mình: nếu Xã trưởng là người kênh kiệu, coi thường người thấp kém hơn mình thì mẹ Đốp là nhân vật tạo nên yếu tố hài hước cho vở chèo qua lời nói châm chọc, đả kích xã trưởng. Đoạn trích cho thấy sự phê phán đối với những tầng lớp chức dịch như xã trưởng nhưng lại có tính trêu ghẹo, đùa cợt người khác, ham sắc và khinh người đồng thời thể hiện xã hội cổ hủ, lạc hậu xưa với những giáo điều, quy định khắt khe qua hình phạt gõ mõ đối với Thị Mầu.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về VB *Xã trưởng - Mẹ Đốp* để tìm hiểu các văn bản khác cùng chủ đề.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS vẽ tranh hoặc dựng hoạt cảnh.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm: Vẽ một bức tranh hoặc dựng một hoạt cảnh lấy cảm hứng từ vở chèo Quan Âm Thị Kính.

A picture containing text

Description automatically generated- GV có thể đưa ra tranh minh họa và hướng dẫn HS dựa vào đoạn trích Thị Mầu lên chùa hoặc Xã trưởng – Mẹ Đốp làm đề tài để vẽ tranh.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe yêu cầu của GV, thực hiện yêu cầu bài tập ở nhà.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 1 – 2 HS đọc đoạn văn trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

Ngày soạn: …/…/….

Ngày dạy: …/…/…..

# TIẾT…: ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

# Chọn văn bản tuồng. HUYỆN TRÌA, ĐỀ HẦU, THẦY NGHÊU MẮC LỠM THỊ HẾN

(***Trích tuồng Nghêu, Sò, Ốc, Hến***)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nắm được một số đặc điểm của tuồng dân gian thể hiện qua đoạn trích trên các phương diện: đề tài, tích truyện, nhân vật, lời thoại.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Huyện Trìa, Đề Hầu, thầy Nghêu mắc lỡm Thị Hến*.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Huyện Trìa, Đề Hầu, thầy Nghêu mắc lỡm Thị Hến.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc và ý thức vé trách nhiệm của công dân đối với đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối với những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS. Đồng thời qua đó, thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** Kiến thức, vốn sống của HS có liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS về tiếng cười trong cuộc sống.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi, huy động kiến thức đã có của HS: *Em nghĩ gì về “tiếng cười” trong cuộc sống? Hãy lắng nghe bài hát Nụ cười(nhạc Nga) để cảm nhận ý nghĩa của nụ cười.*

<https://www.youtube.com/watch?v=lX8Sn9pAFLo>

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu và trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã tích cực trả lời câu hỏi

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Tiếng cười là bạn đường tháng năm không thể nào xoá nhoà . Tiếng cười không chỉ là người bạn của mỗi cá nhân, không chỉ là bạn đường của thời niên thiếu. Tiếng cười còn là bạn đường của con người nói chung trong suốt cuộc đời. Bài học hôm nay cùng tìm hiểu về trích đoạn tuồng hài Huyện Trìa, Đề Hầu, thầy Nghêu mắc lỡm Thị Hến sẽ mang đến cho chúng ta tiếng cười nhẹ nhàng, châm biếm.*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản *Huyện Trìa, Đề Hầu, thầy Nghêu mắc lỡm Thị Hến* một cách hiệu quả.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu tri thức có liên quan về văn bản *Huyện Trìa, Đề Hầu, thầy Nghêu mắc lỡm Thị Hến*.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nghệ thuật tuồng**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV gọi một số HS nhắc lại đặc điểm của nghệ thuật tuồng đã học.  - GV hướng dẫn HS một số lưu ý khi học văn bản tuồng.  *- GV gọi 1-2 HS trình bày phần chuẩn bị ở nhà tìm hiểu về xuất xứ, nội dung văn bản.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc bài, chú ý thực hiện những yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2: Đọc văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV gọi 2-3 HS đọc văn bản, có thể phân vai đọc theo nhân vật trong văn bản.  - GV mời HS chia sẻ những nội dung tiếp nhận được theo các chỉ dẫn đọc ở bên phải văn bản.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin tác giả trong SGK, tóm tắt ý chính.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.  - GV bổ sung kiến thức về tuồng hài: *Tuồng hài viết về các đề tài sinh hoạt, lấy tiếng cười để phản ánh hiện thực xã hội, có cốt truyện phong phú, gần gũi với cuộc sống của người bình dân xưa.* | **II. Tìm hiểu chung**   1. **Tác phẩm**   - Văn bản trích trong vở tuồng Nghêu, Sò, Ốc, Hến do Hoàng Châu Kỳ chỉnh lí (1957) gồm có tất cả 3 hồi.  - Nghêu, Sò, Ốc, Hến thuộc loại tuồng đồ (tuồng hài), châm biếm sâu sắc nhiều thói tật trong xã hội và lật tẩy bộ mặt xấu xa của một số kẻ thuộc bộ máy cai trị ở địa phương trong xã hội xưa.  - Đây là tác phẩm tiêu biểu nhất trong di sản tuồng truyền thống và là vở tuồng đồ thuộc loại đặc sắc nhất.  - Nội dung: Thị Hến đã hẹn Nghêu tối đến nhà, nhưng lại cho mời cả Huyện Trìa và Đề Hầu cùng đến. Thị Hến dùng mưu dụ cả ba cùng xuất đầu lộ diện và bị một phen bẽ mặt.  ***3. Đọc văn bản***  - Thể loại: Tuồng hài |

**Hoạt động 2: Tổ chức đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh khám phá nội dung, ý nghĩa và đặc sắc về hình thức của văn bản, hiểu được các khái niệm công cụ, rèn luyện các chiến thuật đọc (hình dung, phán đoán, liên hệ). Từ đó, GV giúp HS luyện tập, thực hành, vận dụng kết nối kiến thức trong văn bản văn học với thực tiễn đời sống.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về bài *Huyện Trìa, Đề Hầu, thầy Nghêu mắc lỡm Thị Hến*.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học *Huyện Trìa, Đề Hầu, thầy Nghêu mắc lỡm Thị Hến*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu bối cảnh đoạn trích**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ và đặt câu hỏi cho HS, yêu cầu HS trả lời: *Nêu các đặc điểm của tuồng đồ được thể hiện qua văn bản Huyện Trìa, Đề Hầu, Thầy Nghêu mắc lỡm Thị Hến.*  - GV gợi ý HS: chú ý các đặc điểm về đề tài, nhân vật, lời thoại của nhân vật.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo nhóm, HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. | **II. Đọc hiểu văn bản**  ***1. Đặc điểm của tuồng thể hiện qua văn bản***  - Đề tài: Lấy đề tài trong cuộc sống đời thường. Ở đây chính là việc ba nhân vật Huyện Trìa, Đề Hầu, Thầy Nghêu ham mê nữ sắc để rồi phải tự gánh hậu.  - Nhân vật: Các nhân vật chính thường có danh xưng nghề nghiệp Huyện Trìa, Đề Hầu, Thầy Nghêu. Tính cách nhân vật không thay đổi xuyên suốt cả đoạn tuồng  + Lời thoại: Có cả đối thoại, độc thoại, bàng thoại. |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu bối cảnh đoạn trích**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ và đặt câu hỏi cho HS, yêu cầu HS trả lời:  *+ Xác định bối cảnh (không gian, thời gian) và nhận vật tham gia câu chuyện trong đoạn trích Huyện Trìa, Đề Hầu, thầy Nghêu mắc lỡm Thị Hến*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo nhóm, HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu yếu tố tạo nên tiếng cười**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS theo dõi tiếp văn bản và trả lời:  *+ Phân tích một số yếu tố tạo ra tiếng cười trong đoạn trích: tình huống kịch.*  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và hoàn thành vào bảng:   |  |  | | --- | --- | | **Nhân vật** | **Ngôn ngữ, hành động tạo nên tiếng cười** | | Nghêu |  | | Đều Hầu |  | | Huyện Tria |  |   *+ Chỉ ra và phân tích tác dụng của một số chỉ dẫn sân khấu có trong văn bản Huyện Trìa, Đề Hầu, thầy Nghêu mắc lỡm Thị Hến.*  *+ Chỉ ra và phân tích tác dụng của một số tác dụng của một số chỉ dẫn sân khấu có trong văn bản..*  *+ Trong văn bản, tác giả dân gian đã thể hiện thái độ như thế nào đối với các nhân vật*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe yêu cầu và thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  - GV giải thích bổ sung:  Bị Nghêu, Đề Hầu, Huyện Tria cùng "ham của lạ” ve vãn, Thị Hến đã sắp đặt một cuộc "hội ngộ" tại nhà mình, biến nơi đây trở thành một “phiên tòa" để các nhân vật tự vạch tội và xử án nhau trước sự chứng kiến của Thị Hến. Cuối cùng, cả Nghêu, Đề Hầu, Huyện Tria đều rơi vào tình thế “Mắc cỡ lêu lêu / Lêu lêu mắc cỡ”, vội vàng “Thầy tu khá lui về cho khỏi / Để lại mau cõng mỗ về nhà / Dằn lòng thôi chớ ngứa nghề / Giữ dạ đừng tham của lạ". Còn Thị Hến vui mừng trong tiếng cười hả hê “Tâm khoái dã! Tâm khoái dã! / Kế hoan nhiên! Kế hoan nhiên!” vì đã dẹp được “thầy tu tới ngõ nói điên", quan huyện “đến nhà làm bậy", giữ được "tiết hạnh một niềm cho toại”, đồng thời, làm cho những kẻ đáng phê phán bị một phen bẽ mặt. Tình huống diễn ra như một màn kịch, mỗi lúc một giàu kịch tính dưới tài “đạo diễn" khôn khéo của Thị Hến. | ***2. Bối cảnh đoạn trích***  - Thời gian: Buổi tối, trời tối tăm  - Không gian: ở nhà Thị Hến  - Hoàn cảnh câu chuyện: Nghêu đến gõ cửa vào nhà Thị Hến và bày tỏ niềm mến ngộ đã lâu. Trong lúc cả hai đang mặn nồng thì Đề Hầu đến, Thị Hến liền bảo Nghêu chui xuống phản để trốn trước. Đề Hầu vào, Thị Hến dùng lời lẽ ngon ngọt thể hiện tình cảm sâu đậm và sau đó hỏi về chuyện tu phá giới. Đang lúc đó, Huyện Trìa xuất hiện, Đề Hầu nhanh chóng tìm chỗ trốn. Huyện Trìa vào, bày tỏ tình cảm của mình với Thị Hến, cùng lúc đó Nghêu chui ra và Đề Hầu cũng bò ra. Ba người nhìn nhau vừa giận, vừa xấu hổ mà bỏ về.  **2. Yếu tố tạo nên tiếng cười**  - Tình huống tạo ra tiếng cười trong đoạn trích: bất ngờ, giàu kịch tính, khiến các đối tượng đáng cười tự “vạch áo cho người xem lưng”.  - Tiếng cười trong đoạn trích được thể hiện qua ngôn ngữ, hành động của các nhân vật  - Ngôn ngữ đậm sắc thái trào phúng trong lời nói của các nhân vật.  🡪 Ngôn ngữ và hành động đã giúp người đọc hình dung ra hình ảnh, bộ điệu của các nhân vật, cho thấy nỗi sợ hãi, cuống quýt, tức cười khi việc làm xấu bị “lột mặt nạ", tạo ra sự đối lập giữa tình thế trước và sau khi bị phát giác.  ***🡺 Tác giả đã rất thành công trong việc dùng ngôn ngữ, hành động để tại nên tiếng cười.***  - Các chỉ dẫn sân khấu đều được để trong ngoặc đơn của văn bản tuồng:  - Các chỉ dẫn sân khấu in nghiêng, được trình bày trước lời thoại của nhân vật 🡪 người đọc biết diễn biến của các sự việc, chi tiết trong văn bản tuồng, giúp hình dung ra bối cảnh, sự xuất hiện của các nhân vật, hành động của nhân vật trên sân khấu tuồng.  - Các chỉ dẫn được đưa vào ngoặc đơn, không in nghiêng, trong lời của nhân vật 🡪 Người đọc biết đó là những tiếng đưa đẩy, tiếng đế thêm của nhân vật, dùng để lưu ý diễn viên lên giọng hoặc xuống giọng khi diễn. Do đó, giúp người đọc hình dung rõ hơn giọng điệu, cử chỉ, nét mặt… của nhân vật trên sân khấu.  ***3. Đặc điểm các nhân vật***  - Tác giả dân gian đã thể hiện thái độ đồng tình với nhân vật Thị Hến, phê phán thói “tham của lạ" của Nghêu, Đề Hầu, Huyện Tria.  - Thị Hến là người phụ nữ khôn khéo, sắc sảo, thông minh, khiến cho những kẻ sa đọa, hám của lạ bị mắc mưu cứ thế mà tự vạch tội, tố cáo nhau, tự “hạ màn” kẻ nào về nhà nấy, vừa làm cho những kẻ nhòm ngó, ve vãn, gây khó dễ với mình bị một phen bẽ mặt, hết “làm bậy”, vừa giữ được “tiết hạnh một niềm cho toại",...  ***🡪 Nhận xét:***  - Thể hiện thái độ phê phán, châm biếm với các nhân vật qua các hành động, ngôn ngữ.  - Tác giả phơi bày cho ta thấy những thói hư tật xấu, bộ mặt tham lam giả dối, hèn nhát với những dục vọng tầm thường của tầng lớp cường hào ác bá phong kiến.  ***=> Tất cả đã được tác giả dân gian khắc họa đầy đủ diện mạo bức tranh làng quê phong kiến buổi suy tàn.*** |
| ***Tiếng cười trong đoạn trích được thể hiện qua ngôn ngữ, hành động của các nhân vật:***   |  |  | | --- | --- | | **Nhân vật** | **Ngôn ngữ, hành động tạo nên tiếng cười** | | Nghêu | + Sự vội vã "đi hầu bổ ngửa" của Nghêu, "chạy ướt hầu bổ sấp" của Huyện Tria trong lúc "đêm tối tăm đàng xá (lại) khó đi".  + Sự cuống quýt tìm chỗ trốn của Nghêu khi nghe tiếng Đề Hầu gõ cửa "(Thím ơi! Thím!) / Trốn chỗ nào khác chì cho min / (Chớ) Ra cửa cỏ thầy Đề đứng đó"; của Đề Hầu khi nghe tiếng Huyện Tria tới: "(Chui chao!) / Văn ngôn sắc biến! Sắc biến! / Thính thuyết hồn kinh! Hồn kinh!”.  + Hành động Nghêu từ gầm giường bò ra và ngôn ngữ vui mừng rối rít vì thoát tội “trảm quyết”: "Tâm khoái lạc! Tâm khoái lạc! / Thiện xử phân! Thiện xử phân!", "Chơn vi phụ mẫu chi dân! / (Chứ thầy Đề) / Chị thị dâm ô chi loại!" và tố cáo thầy Đề đang trốn trong thúng mơ "nói mới ức chớ", rồi “kết tội”: “Còn thầy Lại phạm gian / Thật ắt là tội chết!". | | Đều Hầu | + Hành động Đề Hầu "lồm cồm bò ra" đổ lỗi cho Thị Hến và Nghêu và lời mỉa mai cho sự Huyện Trìa, Đề Hầu, thầy Nghêu mắc lỡm Thị Hến của cả Đề Hầu và Huyện Tria: “Trong nha môn cả Huyện đến Đề / Còn tạo lệ không mời luôn thẻ!”. | | Huyện Tria | + Hành động “giải quyết tình thế” “quái gờ" trong lời phán của Huyện Tria: “Đề lại cõng mỗ về nhà / Dằn lòng thôi chớ ngứa nghề / Giữ dạ đừng ham của lạ”. | | |
| **Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS theo dõi tiếp văn bản và trả lời: *Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật văn bản.*  - GV đặt câu hỏi: *Đoạn trích phản ánh và ca ngợi điều gì? Điều ấy còn có ý nghĩa với cuộc sống hôm nay không? Vì sao?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc lại bài thơ và suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  - GV tổng kết: Tiếng cười ở đoạn trích Huyện Trìa, Đề Hầu, thầy Nghêu mắc lỡm Thị Hến vẫn mang đậm ý nghĩa trong cuộc sống ngày nay. Đó là tiếng cười trước một nét đẹp truyền thống văn hóa dân gian của dân tộc. Một vở tuồng mang hơi thở của sự cổ kính, xa xưa, khiến người nghe không chỉ cười sảng khoái mà còn mang trong mình những suy nghĩ về một thời kì trong xã hội phong kiến thối nát khi con người trở nên ngày càng sa đọa, đồi bại. | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung:***  - Văn bản đem đến một tình huống gây cười khi cả ba kẻ mê sắc đều tụ hội ở nhà Thị Hến và được một phen bẽ mặt, xấu hổ, nhục nhã. Đồng thời, phê phán, châm biếm và mỉa mai những kẻ mê sắc, xử kiện không công bằng, bị cái đẹp làm mờ mắt, cuối cùng lại bẽ mặt dưới tay một ả góa.  ***2. Nghệ thuật***  - Nghệ thuật xây dựng tuyến nhân vật với những tính cách đa dạng thể hiện được mọi góc nhìn về xã hội đương thời.  - Tình huống tuồng đắt giá giúp các nhân vật bộc lộ hết bản chất.  - Ngôn từ dân gian mộc mạc, dễ hiểu  - Nghệ thuật kể chuyện xen lẫn chất trào phúng, hóm hỉnh. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản *Huyện Trìa, Đề Hầu, thầy Nghêu mắc lỡm Thị Hến* đã học.

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** HS viết câu trả lời vào vở.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi:

***Câu 1.*** *Nêu các đặc điểm của tuồng đồ được thể hiện qua văn bản Huyện Trìa, Đề Hầu, thầy Nghêu mắc lỡm Thị Hến, SGK Ngữ văn 10 tập 1*

***Câu 2.*** *Ở một số dị bản khác, nhân vật Thầy Nghêu được thay bằng nhân vật lí tưởng (Lí Hà), vở tuồng kết thúc trong cảnh các bà vợ của Huyện Trìa, Đề Hầu, Lí Hà bất ngờ xuất hiện và sỉ vả các ông chồng dại gái. Sự khác biệt giữa các dị bản giúp bạn hiểu thêm gì về đặc điểm của tuồng đồ?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS đọc câu hỏi và thảo luận, tìm câu trả lời/

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 3-4 HS trả lời, cả lớp lắng nghe và bổ sung, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**Gợi ý:**

***Câu 1.***

Giới nghiên cứu nói chung quan niệm tuồng đồ là loại tuồng hài (tuồng gây cười), được xây dựng trên cảm hứng hài kịch, thiên về châm biếm, đả kích, không bị ràng buộc vào những điển luật nghiêm ngặt:

+ Đề tài: Lấy đề tài trong cuộc sống đời thường. Ở đây chính là việc 3 nhân vật Huyện Trìa, Đề Hầu, Thầy Nghêu ham mê nữ sắc để rồi phải tự gánh hậu quả.

+ Nhân vật : Các nhân vật chính thường có danh xưng nghề nghiệp Huyện Trìa, Đề Hầu, Thầy Nghêu. Tính cách nhân vật không thay đổi. xuyên suốt cả đoạn tuồng.

+ Lời thoại: có cả đối thoại, độc thoại, bàng thoại.

***Câu 2.*** Có thể thấy đặc điểm của tuồng đồ chính là phương thức truyền miệng. Mỗi vở tuồng lại được truyền miệng, tạo ra nhiều dị bản khác nhau, có thể thay đổi hoặc thêm thắt nhân vật nhưng nội dung cốt lõi vẫn được bảo toàn.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về bài *Huyện Trìa, Đề Hầu, thầy Nghêu mắc lỡm Thị Hến* để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Vẽ tranh dựa theo cảm hứng từ vở tuồng.

**c. Sản phẩm học tập:** Tranh vẽ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS trả lời: *Vẽ bức tranh hoặc dựng một hoạt cảnh lấy cảm hứng từ vở tuồng “Nghêu, Sò, Ốc, Hến”.*

- Gv gợi ý HS có thể dựa vào đoạn trích Huyện Trìa xử án hoặc Huyện Trìa, Đề Hầu, thầy Nghêu mắc lỡm Thị Hến để lấy ý tưởng vẽ tranh.

- GV đưa tranh minh họa:

A picture containing text

Description automatically generated

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV để trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2- 3 HS trình bày đoạn văn của mình.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi HS đã hoàn thành tranh vẽ.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Huyện Trìa, Đề Hầu, thầy Nghêu mắc lỡm Thị Hến*.

+ Soạn bài: ***Viết bản nội quy nơi công cộng.***

Ngày soạn:……./…../……

Ngày dạy:……./…../…..

**VIẾT**

# TIẾT…: VIẾT BẢN NỘI QUY NƠI CÔNG CỘNG

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Viết được bản nội quy nơi công cộng.

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập Viết bản nội quy, hướng dẫn nơi công cộng, viết bản hướng dẫn nơi công cộng.

- Năng lực tiếp thu các yêu cầu khi viết bài văn, đoạn văn.

**3. Phẩm chất:**

- Hiểu và trân trọng ngôn ngữ tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ

**c. Sản phẩm:** HS chia sẻ về những thói quen không tốt của mọi người xung quanh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS chia sẻ: *Em có thường đọc những bản nội quy ở trường học hay khi đi tham quan trong các viện bảo tàng không? Theo em, mục đích của chúng để làm gì?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ và chia sẻ ý kiến.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.

- GV gợi ý các tiêu chí: cần kể đúng sự thật, ngắn gọn, kể có trọng tâm và các chi tiết chính….

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong cuộc sống, mỗi người thường có những cử chỉ, hành động lặp đi lặp lại lâu ngày thành thói quen; có những quan niệm (cách hiểu, nhận thức,...) đã thành nếp nghĩ, khó thay đổi. Có nhiều thói quen tốt, quan niệm đúng đắn cần giữ gìn, phát huy. Tuy vậy, cũng có những thói quen xấu, quan niệm lạc hậu cần phải thay đổi, từ bỏ vì chúng tạo ra tác động tiêu cực, ảnh hưởng đến cá nhân hoặc cộng đồng. Ví dụ: thói quen vứt rác bừa bãi, lãng phí thời gian, ỷ lại người khác, lạm dụng thuốc kháng sinh,... hoặc các quan niệm không chơi với những bạn học kém hơn mình, có tiền là có tất cả,... Trong các trường hợp đó, chúng ta cần thuyết phục người có thói quen chưa tốt, quan niệm chưa đúng từ bỏ những thói quen và quan niệm ấy.Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về yêu cầu và cách* ***Viết bản nội quy nơi công cộng.***

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bảng nội quy nơi công cộng**

**a. Mục tiêu:** Nắm được yêu cầu khi viết bản nội quy nơi công cộng.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS trả lời các yêu cầu đối với bảng nội quy nơi công cộng.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS dựa vào nội dung *Tri thức về kiểu bài* trong SGK (trang 140)  - GV đặt câu hỏi:  *+ Bản nội quy, hướng dẫn nơi công cộng là gì?*  *+ Nêu những yêu cầu đối với kiểu này.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **1. Yêu cầu đối với viết bản nội quy nơi công cộng**  *- Khái niệm:* Bản nội quy ở nơi công cộng là một dạng văn bản thông tin, do cơ quan quản lí địa điểm công cộng ban hành, trong đó trình bày những quy định, quy tắc xử sự mà mọi người cần tuân thủ khi đến một cơ quan, tổ chức hoặc địa điểm công cộng nào đó, nhằm đảm bảo trật tự và an ninh cho cộng đồng.  - *Yêu cầu* *đối với kiểu bài:*   * Trình bày đầy đủ các quy định, quy tắc cần tuân thủ. * Ghi rõ tên cơ quan quản lí địa điểm công cộng. * Mỗi quy định, quy tắc trong bản nội quy phải được diễn đạt thành một câu hay một đoạn và được đánh dấu bằng kí hiệu (chữ số hoặc kí hiệu khác) phù hợp. * Bố cục gồm các phần: phấn đấu, phần chính (các quy định), phần cuối (xem ngữ liệu tham khảo). |

**Hoạt động 2: Đọc nội quy tham khảo**

**a. Mục tiêu:** nắm được các kĩ năng khi viết bản nội quy nơi công cộng.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS phân tích được ngữ liệu tham khảo.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc ngữ liệu tham khảo ***Nội quy công viên Đặng Thùy Trâm*** trang 140/SGK.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm: Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài “Viết bản nội quy ở nơi công cộng” và cho biết:  *1. Phần đầu, phần chính và phần cuối trong ngữ liệu tham khảo đã đáp ứng được yêu cầu đối với kiểu bài Viết bản nội quy ở nơi công cộng chưa?*  *2. Các quy định trong phần chính của bảng nội quy đã được người viết sắp xếp hợp lí chưa?*  *3. Cách trình bày có nổi bật, gây chú ý không?*  *4. Qua văn bản, bạn rút ra những lưu ý gì khi viết một bản nội quy ở nơi công cộng?*  - GV đặt tiếp câu hỏi sau phần thảo luận: *Theo em, để viết nội quy hay bản hướng dẫn nơi công cộng, cần chú ý điều gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  - GV rút ra kết luận, củng cố kiến thức cho HS. | ***2. Bài viết tham khảo***    1. Phần đầu, phần chính và phần cuối trong ngữ liệu tham khảo đã đáp ứng được yêu cầu đối với kiểu bài Viết bản nội quy nơi công cộng. Phần đầu phần chính đầy đủ đề điểm, những quy định. Phần cuối đưa ra được thông tin của công ty phụ trách cũng như số điện thoại liên hệ.  2. Các quy định đã được sắp xếp hợp lý, từ thời gian mở cửa, đóng cửa đến những nội quy trong công viên và cuối cùng là cách thức liên hệ khi có việc cần giúp đỡ.  3. Bảng nội quy đã sử dụng tông màu khá chuẩn đề làm nổi bật dòng chữ về các nội quy. Màu nền là một gam màu tối, thẫm làm nổi bật được chữ màu trắng mà bảng nội quy sử dụng.  4. Các lưu ý khi viết nội quy:  - Xác định mục đích, đối tượng cần quy định, hướng dẫn.  - Xác định nội dung gồm các quy định, chỉ dẫn cụ thể (dựa vào các văn bản pháp luật hoặc các quy ước, thống nhất của tập thể,...).  - Lựa chọn cách trình bày văn bản:  + Sắp xếp các quy định hoặc hướng dẫn theo một trật tự hợp lí, cần đưa các yêu cầu quan trọng lên trước.  + Ngôn ngữ: ngắn gọn; nên sử dụng kiểu câu mệnh lệnh, bắt đầu bằng các từ có tính chất yêu cầu, đề nghị hoặc ngăn cấm.  + Tuỳ theo nội dung và tính chất của văn bản, có thể sử dụng thêm tranh, ảnh, bảng, biểu, sơ đồ, kí hiệu phù hợp để nội dung thông tin trở nên sinh động, dễ hiểu, dễ nhớ. |

**Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các kĩ năng viết bản nội quy.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS áp dụng các yêu cầu tóm tắt để viết bài.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV gọi 1 HS đọc đề bài và các nội dung hướng dẫn để cả lớp có hiểu biết chung.  - GV yêu cầu HS đọc các bước để viết nội quy, tóm tắt lại thành sơ đồ.  - GV hướng dẫn HS cụ thể từng bước để viết bài.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe yêu cầu, thực hiện theo các bước để viết bài.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS hoàn thiện bài viết và nộp bài.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | ***3. Thực hành viết bài***  **Đề 1:**Hãy viết bản nội quy cho câu lạc bộ ngoại khóa mà bạn tham gia  ***Bước 1. Chuẩn bị viết***   * Xác định rõ mục đích ban hành nội quy và đối tượng hướng tới. * Nêu lí do cần tuân thủ hướng dẫn: tạo môi trường nghiêm túc.   ***Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý***  ***\* Tìm ý:*** Xác định những yêu cầu mà các thành viên câu lạc bộ phải thực hiện.  ***\* Lập dàn ý***  + Phần đầu văn bản: Nêu tiêu đề của văn bản.  + Phần nội dung văn bản: Lần lượt trình bày các yêu cầu. Có thể sắp xếp theo trật tự khác nhau tuỳ vào mục đích, tính chất hoạt động của câu lạc bộ và mức độ vi phạm phổ biến của người tham gia.  + Phần kết thúc văn bản: Đơn vị quản lí, số điện thoại liên hệ.. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS thực hành viết bài

**b. Nội dung:** GV giao bài tập, HS suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** HS viết bài theo yêu cầu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*- GV yêu cầu HS:* Viết bản nội quy nơi công cộng.

*- GV lưu ý:*

* Mỗi mục trong bản nội quy được diễn đạt thành một câu hay một đoạn và được đánh dấu bằng kí hiệu phù hợp.
* Ngôn ngữ chuẩn mực, không gây hiểu lầm, không có từ địa phương, từ khó hiểu hoặc từ ít dùng; không thể hiện sắc thái tình cảm hay ý kiến cá nhân.
* Trình bày rõ ràng, dễ đọc, theo một quy cách thống nhất.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS thực hành viết bài tại lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS hoàn thiện bài viết của mình.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV theo dõi quá trình làm bài, nhắc nhở và động viên HS hoàn thành bài tập.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa bài viết

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa lại bản nội quy vừa viết.

**c. Sản phẩm học tập:** Bản nội quy hoàn thiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS rà soát, chỉnh sửa văn bản tóm tắt vừa hoàn thành theo gợi ý: Đọc bài văn đã viết, đối chiếu với mục I Tri thức về kiểu bài và dàn ý để phát hiện và sửa lỗi:

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung**  **kiểm tra** | **Yêu cầu cụ thể** |
| Bố cục ba phần | - Phần đầu: Đã nêu được tiêu đề của văn bản chưa?  - Phần nội dung:  + Có nêu được những yêu cầu cụ thể với các thành viên trong câu lạc bộ chưa?  + Đã sắp xếp các yêu cầu theo trật tự nhất định chưa?  - Phần kết thúc: Đã nêu tên tổ chức, cá nhân (Đơn vị quản lí, số điện thoại liên hệ) đề ra nội quy chưa? | |
| Các lỗi còn mắc | - Lỗi về ý: thiếu ý, lặp ý, lạc ý,…  - Lỗi về trình bày, chính tả, dùng từ và diễn đạt. | |
| Đánh giá chung | - Bài viết đáp ứng yêu cầu ở mức độ nào?  - Em thấy hứng thú hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong tiến trình thực hành viết? | |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và thực hiện kiểm tra lại bài làm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Hs hoàn thành và nộp bài viết.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày bài tập trước lớp.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS: Xem lại nội dung bài học, hoàn thành bài làm.

Ngày soạn:……./…../……

Ngày dạy:……./…../…..

**VIẾT**

# TIẾT…: VIẾT MỘT BẢN HƯỚNG DẪN Ở NƠI CÔNG CỘNG

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Viết được một bản hướng dẫn nơi công cộng.

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực phân tích các nội dung, nắm được kiểu bài viết.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập viết bản hướng dẫn nơi công cộng.

- Năng lực tiếp thu các yêu cầu khi viết bài văn, đoạn văn.

**3. Phẩm chất:**

- Hiểu và trân trọng ngôn ngữ tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ. học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ

**c. Sản phẩm:** HS chia sẻ về những thói quen không tốt của mọi người xung quanh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS chia sẻ: *Khi tham gia một lễ hội hay tham quan một địa danh du lịch, em có chú ý đến các bản hướng dẫn khôn? Theo em mục đích của các bản hướng dẫn là gì?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ và chia sẻ ý kiến.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.

- GV gợi ý các tiêu chí: cần kể đúng sự thật, ngắn gọn, kể có trọng tâm và các chi tiết chính….

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Bản hướng dẫn nơi công cộng giúp cho mọi người nắm được cách sử dụng, vận hành một cách dễ dàng và thông dụng nhất. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về cách viết một bản hướng dẫn ở nơi công cộng.*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bản hướng dẫn nơi công cộng**

**a. Mục tiêu:** Nắm được yêu cầu khi viết bản hướng dẫn nơi công cộng.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS trả lời các yêu cầu đối với bản hướng dẫn nơi công cộng.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS dựa vào nội dung Định hướng trong SGK (trang 142)  - GV đặt câu hỏi:  *+ Bản hướng dẫn nơi công cộng là kiểu bài như thế nào?*  *+ Những yêu cầu đối với kiểu bài này.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  - GV bổ sung: Bài luận về bản thân không phải là văn bản ca ngợi chính mình mà là bản giải trình một cách trung thực những điểm nổi bật nhất về bản thân trong tương quan với mức độ yêu cầu của tổ chức, cá nhân, hoạt động cần thực hiện. | **1. Yêu cầu đối với viết bản hướng dẫn nơi công cộng**  - Bản hướng dẫn ở nơi công cộng là một dạng văn bản thông tin, nhằm hướng dẫn quy cách và quy trình thực hiện một hoạt động, nhằm đảm bảo các yêu cầu về trật tự, y tế, văn hoá, an ninh, đổng thời bảo đảm tính hiệu quả, an toàn cho mọi người tham gia hoạt động.  - Yêu cầu đối với kiểu bài:   * Nêu tên bản hướng dẫn ở nơi công cộng rõ ràng, chính xác. * Quy cách thực hiện hoạt động được cụ thể hoá/ sơ đồ hoá thành các công đoạn, thao tác hay các chi tiết, kí hiệu trong hình vẽ,... dễ hiểu, dễ thực hiện. * Mỗi công đoạn/ thao tác trong quy trình diễn đạt thành một câu hay một đoạn và được đánh dấu bằng kí hiệu phù hợp; được thuyết minh, giải thích đủ rõ. * Ngôn ngữ chuẩn mực, không gây hiểu lầm, không có từ địa phương, từ khó hiểu hoặc từ ít dùng; không thể hiện sắc thái tình cảm hay ý kiến cá nhân. * Trình bày rõ ràng, thường kết hợp các màu sắc, kết hợp lời văn với hình ảnh, sơ đồ,... dễ đọc, gây được sự chú ý. * Kết hợp sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, sơ đồ, biểu bảng,...) hỗ trợ cho việc hướng dẫn trong trường hợp cần thiết. * Có đủ các phần: phần đầu, phần chính (các thể thức), phần cuối của một bản hướng dẫn. |

**Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài văn tham khảo**

**a. Mục tiêu:** nắm được các kĩ năng khi viết bản hướng dẫn nơi công cộng.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS phân tích được bài văn tham khảo.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thực hành theo nhóm, hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo: ***Cách sử dụng thang máy*** (trang 143)  - GV yêu cầu HS các nhóm suy nghĩ và thảo luận, trả lời các câu hỏi:  *1. Nhan đề đã phù hợp với nội dung hướng dẫn trong ngữ liệu chưa?*  *2. Nội dung hướng dẫn có được cụ thể hóa/sơ đồ hóa dễ hiểu và dễ thực hiện không?*  *3. Cách trình bày có nổi bật gây chú ý không?*  *4. Lời văn và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như hình ảnh, sơ đồ, kí hiệu,... đã phù hợp, chuẩn mực chưa?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  - GV rút ra kết luận, củng cố kiến thức cho HS. | ***2. Bài viết tham khảo***    1. Nhan đề đã phù hợp với nội dung ngữ liệu: cách sử dụng thang máy và các kí hiệu cơ bản.  2. Nội dung hướng dẫn được cụ thể hóa bằng những hình vẽ, ghi chú chi tiết từng kí hiệu cho người đọc dễ nhận biết.  3. Bố cục bảng hướng dẫn có 2 phần: các kí hiệu và cách xử lí khi thang máy gặp sự cố 🡪 Bố cục này dễ dàng cho người đọc tìm được phần mình muốn có thông tin.  - Những hình ảnh minh họa, kí hiệu to và rõ ràng, giúp người xem dễ nhận biết.  4. Lời văn và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như hình ảnh, sơ đồ, kí hiệu,.. đã phù hợp. Ngôn ngữ không có từ ngữ địa phương giúp dễ đọc, dễ hiểu. Mỗi kí hiệu, thao tác đều có chỉ dẫn rõ ràng. |

**Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các kĩ năng viết bản hướng dẫn nơi công cộng.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS áp dụng các yêu cầu tóm tắt để viết bài.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV gọi 1 HS đọc đề bài và các nội dung hướng dẫn để cả lớp có hiểu biết chung.  - GV yêu cầu HS chia 4 nhóm và thảo luận theo nội dung trong SGK. Các nhóm lựa chọn đề theo phương thức bốc thăm.  - GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập, lựa chọn và xác định các yêu cầu sau: đối tượng cần thuyết phục, mục đích, nội dung bài văn và hình thức viết.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe yêu cầu, thực hiện theo các bước để viết bài.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS hoàn thiện bài viết và nộp bài.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | ***3. Thực hành viết bài***  Chọn một trong hai đề sau:  **Đề 1:** Hãy viết bản hướng dẫn thủ tục đăng kí sinh hoạt một câu lạc bộ được tổ chức trong trường học.  **Đề 2:** Hãy viết bản hướng dẫn cách sử dụng một trong những thiết bị thông dụng nơi công cộng (thiết bị phòng vệ sinh, thiết bị điện liên quan đến âm thanh, ánh sáng, máy chiếu trong phòng học,...)  ***Bước 1: Chuẩn bị viết***  - Xác định đối tượng mà bản hướng dẫn cần hướng đến và lí do họ cần tuân thù những hướng dẫn của bạn.  + Đối tượng hướng đến:   * Đề 1: học sinh * Đề 2: người tham gia sử dụng thiết bị công cộng   + Lí do cần tuân thủ hướng dẫn:   * Đề 1: nhằm đảm bảo câu lạc bộ quản lí được số lượng và chất lượng thành viên. * Đề 2: cần bảo đảm trật tự văn minh, an toàn cho người sử dụng.   ***Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý***  ***\* Tìm ý:*** HS lựa chọn đề nào cần lưu ý  - Đề 1:   * Xác định những công việc học sinh cần thực hiện về thủ tục và quy trình đăng kí tham gia câu lạc bộ. * Cung cấp một số thông tin liên quan (tên người, địa điểm, thời gian gặp gỡ, liên hệ, các loại giấy tờ cần mang theo,...).   - Đề 2:   * Tìm hiểu và nắm chắc quy trình sử dụng thiết bị thông dụng nơi công cộng mà mình sẽ viết bản hướng dẫn. * Chi tiết hoá hoặc sơ đồ hoá thành các bước/ thao tác sử dụng.   ***\* Lập dàn ý*** theo trật tự hợp lí. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS thực hành viết bài.

**b. Nội dung:** GV giao bài tập, HS suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** HS viết bài theo yêu cầu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*- GV yêu cầu HS:* Viết bài theo dàn ý đã lập.

*- GV lưu ý:* Trình bày nội dung các phần mở đầu, phần chính (các thể thức), phần cuối.

Dùng lời văn (phương tiện giao tiếp ngôn ngữ) hoặc hình vẽ, sơ đồ (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) hoặc kết hợp cả hai để trình bày những điều cần hướng dẫn một cách mạch lạc, dễ theo dõi.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS thực hành viết bài tại lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS hoàn thiện bài viết của mình.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV theo dõi quá trình làm bài, nhắc nhở và động viên HS hoàn thành bài tập.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa bài viết

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa lại văn bản vừa viết the

**c. Sản phẩm học tập:** Bài văn hoàn thiện

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS rà soát, chỉnh sửa văn bản tóm tắt vừa hoàn thành theo gợi ý: Đọc bài văn đã viết, đối chiếu với mục I Tri thức về kiểu bài và dàn ý để phát hiện và sửa lỗi:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các phần** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Phần đầu | Nêu rõ tên bản hướng dẫn. |  |  |
| In to và đậm tên bản hướng dẫn. |  |  |
| Phần chính | Trình bày quy cách thực hiện hoạt động nơi công cộng thành sơ đồ/ quy trình gồm các bước/ công đoạn/ thao tác cụ thể. |  |  |
| Hướng dẫn bằng lời hoặc hình vẽ, kí hiệu quy cách thực hiện rõ ràng, dễ hiểu đối với từng bước, từng thao tác cụ thể. |  |  |
| Mỗi công đoạn/thao tác trong quy trình diễn đạt/ sơ đồ hoá thành một phân đoạn riêng với các kí hiệu, chi tiết phù hợp. |  |  |
| Ngôn ngữ chuẩn mực. |  |  |
| Sử dụng hình ảnh, sơ đồ, biểu bảng,... có hỗ trợ tốt cho việc hướng dẫn hoạt động/ nhiệm vụ trong trường hợp cần thiết. |  |  |
| Phần cuối | Nêu rõ tên của tổ chức, cơ quan lập bản hướng dẫn. |  |  |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và thực hiện kiểm tra lại bài làm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Hs hoàn thành và nộp bài viết.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày bài tập trước lớp.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS: Xem lại nội dung bài học, hoàn thành đề bài còn lại.

Ngày soạn:……./…../……

Ngày dạy:……./…../…..

**NÓI VÀ NGHE**

# TIẾT…: THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập thuyết trình về một địa chỉ văn hóa.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3. Phẩm chất:**

- HS biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Thảo luận về một vấn đề có ý kiến khác nhau.*

**b. Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ

**c. Sản phẩm:** Hs hoàn thành bài tập theo yêu cầu của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời: *Trong lớp,* *Em cùng các bạn đã từng thảo luận về một vấn đề nào mà có nhiều ý kiến trái chiều chưa? Khi đó, các em đã giải quyết vấn đề như thế nào?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu và trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Các vấn đề trong cuộc sống luôn tồn tại những quan điểm trái chiều hoặc khác biệt. Khi thảo luận về một vấn đề có nhiều ý kiến khác nhau, bạn cần bảo vệ quan điểm của mình nếu hợp lí, nhưng cũng cần tôn trọng những ý kiến khác biệt.. Bài học hôm nay chúng ta cùng luyện tập phần nói và nghe về* ***Thảo luận nhóm về một vấn đề có ý kiến khác nhau.***

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau**

**a. Mục tiêu:** Nắm được yêu cầu khi trình bày thảo luận về kiểu bài *Thảo luận về một vấn đề có ý kiến khác nhau.*

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS trả lời các yêu cầu khi thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS dựa vào nội dung trong SGK (trang 146) và cho biết:  *+ Mục đích của việc thảo luận về một vấn đề có ý kiến khác nhau là gì?*  *+ Hãy nêu một số ví dụ về các vấn đề cần thảo luận.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  - Gv nêu ví dụ có nhiều đề tài có thể lựa chọn để thảo luận như:  + Nên ứng xử như thế nào trong môi trường học đường?  + Có người quan niệm không nên lạm dụng kháng sinh, nhưng nhiều người lại cho rằng: khi ốm đau, tốt nhất là dùng kháng sinh cho nhanh khỏi bệnh. Em hãy trình bày ý kiến của mình về hai quan niệm trên.  + Có ý kiến cho rằng nhân vật Thị Mầu trong đoạn trích “Thị Mầu lên chùa” ("Quan Âm Thị Kính”) là người lẳng lơ, xấu tính. Ý kiến khác lại khẳng định Thị Mầu là người dám sống thực với mình, đáng thương hơn đáng trách. Trình bày ý kiến của em về vấn đề này. | **1. Yêu cầu đối khi Thảo luận về một vấn đề có ý kiến khác nhau**  - Mục tiêu của buổi thảo luận là cùng nhau tìm ra tiếng nói chung và giải pháp hợp lí cho vấn đề đang bàn. |

**Hoạt động 2: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kết hợp hướng dẫn của GV để chuẩn bị bài nói.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói đã được chuẩn bị trước ở nhà.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV cho HS chọn vấn đề thảo luận trong SGK hoặc tự đề xuất vấn đề để thảo luận theo nhóm (6-8 thành viên).  - GV yêu cầu HS đọc các bước và vẽ sơ đồ để nắm được các bước trong buổi thảo luận.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe yêu cầu, xem lại bài nói.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, hướng dẫn chuẩn bị bài nói theo dàn ý. | **2. Các bước thực hiện bài thảo luận**  ***Bài tập:*** Theo bạn, học sinh cần ứng xử như thế nào trong môi trường học đường? Hãy tổ chức một buổi thảo luận trên lớp, nhằm thống nhất những quy định để đưa vào bản nội quy về văn hóa ứng trong lớp học.  ***Bước 1: Chuẩn bị***  - Xác định mục đích, thời gian thảo luận.  - Chuẩn bị bảng biểu để nêu ý kiến của cá nhân:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ý kiến của tôi** | **Lí do** | **Dẫn chứng từ thực tế hoặc sách báo** | | Ứng xử với thầy cô |  |  | | Ứng xử với bạn bè |  |  | | Về sử dụng cơ sở vật chất |  |  |   ***Bước 2: Thảo luận***  - Mỗi nhóm cử một nhóm trưởng, điều khiển sao cho tất cả các thành viên đều trình bày ý kiến của mình. Thư kí ghi chép lại theo bảng:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thứ tự trình bày** | **Ý kiến trình bày** | **Các ý kiến phản hồi** | | Bạn … |  |  | | Bạn…. |  |  | | Bạn … |  |  |   - Mỗi thành viên lắng nghe, ghi chép ý kiến của các bạn và chuẩn bị phản hồi theo bảng:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Vấn đề đồng tình | Vấn đề chưa đồng tình | Vấn đề bạn trả lời tôi | Ý kiến của tôi sau khi nghe | | Bạn… |  |  |  |  | | Bạn… |  |  |  |  | | Bạn... |  |  |  |  |   ***Bước 3: Đánh giá***  - Tự đánh giá phần trình bày của mình và cách mình trao đổi với các thành viên khác trong nhóm.  - Đánh giá phần trình bày của các thành viên khác trong nhóm và cách họ trao đổi với bạn cũng như với các thành viên còn lại. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các kĩ năng khi trình bày bài nói và kĩ năng ghi chép ý kiến của bạn.

**b. Nội dung:** HS thảo luận, trình bày trong nhóm và trước lớp

**c. Sản phẩm học tập:** Bài trình bày và phiếu ghi chép của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cử HS điều khiển buổi thảo luận.  - GV yêu cầu HS tiến hành thảo luận trong nhóm. Các thành viên còn lại tiến hành lắng nghe, ghi chép ý kiến của bạn và chuẩn bị phản hồi.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe nhiệm vụ, tiến hành thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **3. Thảo luận vấn đề**  - Thảo luận trong nhóm. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa phần trình bày và phần ghi chép của bản thân.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bảng kiểm kĩ năng thảo luận nhóm về một vấn đề có ý kiến khác nhau.

**c. Sản phẩm học tập:** Bảng kiểm hoàn thành của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS sử dụng bảng kiểm và đánh giá:

*• Em hãy tự đánh giá phần trình bày của mình và cách mình trao đổi với các thành viên khác trong nhóm.*

*• Em hãy đánh giá phần trình bày của các thành viên khác trong nhóm và cách họ trao đối với bạn cũng như với các thành viên còn lại.*

**Bảng kiểm kĩ năng thảo luận nhóm về một vấn đề có ý kiến khác nhau**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các nội dung cần đánh giá** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Khi trình bày | Phần trình bày rõ ràng, có lập luận thuyết phục, có dẫn chứng đầy đủ. |  |  |
| Cách nói rõ ràng, mạch lạc. |  |  |
| Đảm bảo thời gian quy định. |  |  |
| Khi trả lời phản hồi | Có thái độ chừng mực khi tiếp nhận các ý kiến trái chiều từ các thành viên còn lại trong nhóm. |  |  |
| Có lập luận rõ ràng, thuyết phục khi phản hồi các ý kiến trái chiều. |  |  |
| Khi tham gia thảo luận | Chú ý lắng nghe và ghi chép các ý kiến khác của các thành viên còn lại trong nhóm. |  |  |
| Có ý kiến phản hồi và trao đổi nghiêm túc với các thành viên còn lại trong nhóm. |  |  |
| Có ngôn ngữ trao đổi khách quan, trung tính, không công kích cá nhân. |  |  |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và thực hiện điền vào bảng kiểm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Hs hoàn thành và nộp lại bảng kiểm cho nhóm trưởng.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi các nhóm có tinh thần làm việc tốt.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS soạn bài: ***Ôn tập***

Ngày soạn: …/…/…

Ngày dạy: …/…/…

## **TIẾT ...: ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nắm được chủ đề và đặc điểm thể loại của các văn bản chèo/tuồng đã học.

- Nắm được các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong các văn bản và tác dụng của chúng.

- Hiểu được quy trình viết của bản nội quy hoặc bản hướng dẫn ở nơi công cộng.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của các văn bản.

- Năng lực nói và nghe.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung ***Bài 5. Những di sản văn hóa.***

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về các văn bản đã học ở ***Bài 5. Những di sản văn hóa.***

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS nêu tên các văn bản đã học ở ***Bài 5. Những di sản văn hóa.***

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận và hoạt động**

- GV mời 1 – 2 HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt: Những văn bản đã học ở ***Bài 5. Những di sản văn hóa*** là: *Thị Mầu lên chùa, Huyện Trìa xử án, Đàn ghi-ta phím lõm, Xã trưởng – Mẹ Đốp; Huyện Trìa, Đề Hầu, Thầy Nghêu mắc lỡm Thị Hến.*

- GV dẫn vào bài học: *Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau ôn lại những văn bản và kiến thức đã được học trong* ***Bài 5. Những di sản văn hóa.***

**B. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Ghi nhớ và vận dụng những kiến thức đã học trong ***Bài 5. Những di sản văn hóa***.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phần Ôn tập của ***Bài 5. Những di sản văn hóa.***

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS về ***Bài 5. Những di sản văn hóa.***

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu của BT 1,  - GV phân công nhiệm vụ, yêu cầu HS chia 4 nhóm và bốc thăm phần thảo luận, 2 nhóm sẽ cùng thảo luận 1 phiếu học tập.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Văn bản | Xung đột chính | Đặc điểm ngôn ngữ | Diễn biến tâm lí NV | Đặc điểm tính cách NV | | ***TM lên chùa*** |  |  |  |  | | ***Xã trưởng – Mẹ Đốp*** |  |  |  |  |   **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Văn bản | Mâu thuẫn, xung đột chính | Đặc điểm tính cách NV | Cách thể hiện tình cảm, cảm xúc của t/g | Cảm hứng chủ đạo | | ***Huyện Trìa xử án*** |  |  |  |  | | ***Huyện Trìa, Đề Hầu, Thầy Nghêu mắc lỡm Thị Hến*** |  |  |  |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc BT theo phân công nhóm, HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV, sau đó kẻ phiếu học tập và hoàn thành BT.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm HS trình bày bài làm trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án. |  |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Xung đột chính trong cốt truyện** | **Đặc điểm ngôn ngữ của nhân vật** | **Diễn biến tâm lí nhân vật** | **Đặc điểm tính cách nhân vật** | | 1. Thị Mầu lên chùa | Thị Mầu >< Thị Kính  Thị Mầu: khát vọng tình yêu nồng nhiệt dành cho chú tiểu. Thị Kính >< Thị Kính: không thể đáp nhận tình cảm của Thị Mầu vì vừa là phận gái giả trai, vừa là người nương mình chốn tu hành. | Thị Mầu:  táo tợn, nồng nhiệt, lẳng lơ.  Thị Kính: đoan chính, kín đáo | Tâm lí của  Thị Mầu: ngạc nhiên, mê đắm, liều lĩnh.  Tâm lí của  Thị Kính:  Sợ sệt, bất an. | Thị Mầu: khao khát tình yêu đến lộ liễu, lẳng lơ  Thị Kính: đoan chính, số phận éo le. | | 2. Xã trưởng – mẹ Đốp | Mẹ Đốp >< Xã trưởng  Mẹ Đốp: hiện thân cho người dân bị xem là hèn kém nhưng ứng đáp hoạt bát, thông minh  >< Xã trưởng: hiện thân những kẻ cai trị ở làng xã hách dịch bày đặt những thứ lệ làng "xôi thịt" nhiêu khê. | Mẹ Đốp: lém lỉnh, hài hước, sắc sảo  Xã trưởng: ỡm ờ, vừa lọc lõi vừa ngớ ngẩn. | Mẹ Đốp: tự tin, làm chủ tình huống.  Lí trưởng: ngờ vực, bị động trước tình huống. | Mẹ Đốp:  Người bình dân hoạt bát, thông minh,...  Xã trưởng: cửa quyền háo sắc,... |   **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Mâu thuẫn, xung đột chính trong cốt truyện** | **Đặc điểm, tính cách của các nhân vật** | **Cách thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả** | **Cảm hứng chủ đạo** | | 1. Huyện Trìa xử án | - Huyện Trìa trong vai trò quan toà >< Huyện Trìa gã đàn ông háo sắc;  - Những kẻ đại diện cho huyện đường >< những người liên can đến vụ trộm. | - Huyện Trìa: hiện thân cho nhiều thói xấu của quan lại, xử án bất minh, thiên vị bất chấp công lí.  - Thị Hến: là tòng phạm, ỷ vào nhan sắc ăn nói đong đưa,... | Thể hiện qua cách đặt tên nhân vật; xung đột giữa các nhân vật hiện thân cho cái thấp kém; hành động, lời thoại (đối thoại, độc thoại, bàng thoại) của nhân vật. | Phê phán thói xấu và lối xử kiện mờ ám của quan lại chốn huyện đường. | | 2. Huyện Trìa, Đề Hầu, Thầy Nghêu | Thói háo sắc của Huyện Trìa, Để Hầu, Thầy Nghêu >< Thị Hến và cạm bẫy do Thị bày ra. | - Thấy Nghêu: kẻ đội lốt tu hành; háo sắc;  - Đề Hầu: vì háo sắc sẵn sàng phản thầy.  - Huyện Trìa: háo sắc và sợ vợ,... | Thể hiện qua cách đặt tên nhân vật; xung đột giữa các nhân vật hiện thân cho cái thấp kém; hành động, lời đối thoại của nhân vật. | Vạch trần thói háo sắc, dại gái, xấu xa, bỉ ổi của hạng quan lại, đề lại, kẻ đội lốt thầy tu - những kẻ mắc lỡm. | | |
| **Nhiệm vụ 2: BT 2, 3**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu của BT 2, 3 trước lớp.  - GV yêu cầu HS nhớ lại kiến thức đã học phần Viết bản nội quy và hướng dẫn ở nơi công cộng và trả lời vào vở bài tập số 2:  *+ Khi viết một văn bản nội quy hoặc hướng dẫn ở nơi công cộng, cần lưu ý những điểm nào? Vì sao?*  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp hoàn thành bài tập số 3: *Nêu một số điểm khác biệt đáng lưu ý giữa việc viết một văn bản nội quy và viết một bản hướng dẫn ở nơi công cộng.*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Đặc điểm, yêu cầu*** | ***Bản nội quy*** | ***Bản hướng dẫn nơi công cộng*** | | *Đặc điểm* |  |  | | *Yêu cầu đối với kiểu bài* |  |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc BT theo phân công nhóm, HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV, sau đó kẻ phiếu học tập và hoàn thành BT.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm HS trình bày bài làm trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án. | **BT 2.**  Cần lưu ý những điểm sau:  - Xác định được đối tượng mà bản thân muốn hướng đến.  - Lí do viết.  - Trình bày phải hợp lí, dễ nhìn.  - Có thông tin liên hệ rõ ràng.  => Đây là những điểm cần thiết để đảm bảo người đọc rõ ràng tìm thấy thông tin cần thiết.  **BT 3.** |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Đặc điểm, yêu cầu*** | ***Bản nội quy*** | ***Bản hướng dẫn nơi công cộng*** | | *Đặc điểm* | Là một dạng VB thông tin, do cơ quan quản lí địa điểm công cộng ban hành, trình bày những quy định, quy tắc xử sự mà mọi người cần tuân thủ khi đến một cơ quan, tổ chức hoặc địa điểm công cộng nào đó, nhằm đảm bảo trật tự và an ninh cho cộng đồng. | Là một dạng VB thông tin hướng dẫn quy cách và quy trình thực hiện một hoạt động, nhằm đảm bảo các yêu cầu về trật tự, y tế, văn hoá, an ninh, đồng thời bảo đảm tính hiệu quả, an toàn cho mọi người tham gia hoạt động. | | *Yêu cầu đối với kiểu bài* | * Trình bày đầy đủ các quy định, quy tắc cần tuân thủ. * Ghi rõ tên cơ quan quản lí địa điểm công cộng. * Mỗi quy định, quy tắc trong bản nội quy phải được diễn đạt thành một câu hay một đoạn và được đánh dấu bằng kí hiệu (chữ số hoặc kí hiệu khác) phù hợp. | * Nêu tên bản hướng dẫn ở nơi công cộng rô ràng, chính xác. * Quy cách thực hiện hoạt động được cụ thể hoá/ sơ đồ hoá thành các công đoạn, thao tác hay các chi tiết, kí hiệu trong hình vẽ,... dễ hiểu, dễ thực hiện. * Trình bày rõ ràng, thường kết hợp các màu sắc, kết hợp lời văn với hình ảnh, sơ đồ,... dễ đọc, gây được sự chú ý. * Kết hợp sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, sơ đó, biểu bảng,...) hỗ trợ cho việc hướng dẫn trong trường hợp cần thiết. | | |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** GV cho HS tự nhắc lại về những kiến thức đã học được.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: *Theo bạn, việc phát huy các giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống trong đời sống đương đại có ý nghĩa như thế nào? Hãy trình bày bằng một đoạn văn ngắn.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở ***Bài 5***.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, tổng kết bài học.

**\* Hướng dẫn về nhà:**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn bài: ***Ôn tập cuối kì I***